

1	Chủ đề 7: Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	– Nêu được: + Đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. + Hệ thống pháp luật Việt Nam. + Các hình thức thực hiện pháp luật.	Biết	III. C1, C4, C5, C6			NL III	Tìm hiểu các hiện tượng KT-XH
		– Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn	Hiểu		I. 3a, 3b,		NL I	Đánh giá hành vi của bản thân và người khác
		– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. - Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật	Vận dụng		I. 3c, 3d	III. C1	NL III NL I	Tham gia hoạt động KT-XH Đánh giá hành vi của bản thân và người khác
2	Chủ đề 8: Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	– Nêu được: + Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013(sửa đổi bổ sung năm 2025) về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bộ máy nhà nước.	Biết	III. C2, C3, C7, C8, C9	III. 1a, 1b		NL III	Tìm hiểu các hiện tượng KT-XH
		– Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi	Vận dụng		III. 1c, 1d		NL III	Tham gia hoạt động KT-XH

3	Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	<p>- Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt Nam.</p> <p>- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ</p>	Biết	III. C10, C11, C12	III. 2a, 2b III. 4a, 4b			NL III	<p>Tìm hiểu các hiện tượng KT-XH</p>
		<p>Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p>	VD		I. 2c, 2d III. 4c, 4d	I. C2a III. C2b	NLI	<p>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác</p>	
Tổng số câu				12	16	2		30	
Tổng số điểm				3,0	4,0	3,0			
Tỉ lệ %				30	40	30			



KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM & ĐẶC ĐIỂM PHÁP LUẬT



a. Khái niệm: Hệ thống quy tắc xử sự bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành/thừa nhận, đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Quy định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, điều được/không được làm. Chỉ Nhà nước ban hành & cưỡng chế.

b. Đặc điểm (3):



Tính quy phạm phổ biến

Quy tắc chung cho mọi người, áp dụng lặp lại, ở nhiều nơi. Chuẩn mực ứng xử chung.



Tính quyền lực, bắt buộc chung

Nhà nước ban hành, thể hiện ý chỉ quyền lực. Mọi người bắt buộc tuân thủ, có tính cưỡng chế, xử phạt.



Tính xác định chặt chẽ về hình thức

Thể hiện bằng văn bản quy phạm (Hiến pháp, Luật...), trình tự chặt chẽ, ngôn ngữ rõ ràng, thống nhất. Dễ nhận biết, thực hiện.

II. VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG ĐỜI SỐNG



a. Phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội

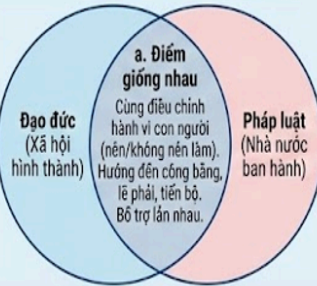
- Công cụ quản lý chủ yếu, hiệu quả nhất.
- Điều chỉnh quan hệ xã hội theo khuôn mẫu thống nhất -> trật tự, kỷ cương.
- Cơ sở kiểm tra, giám sát.
- Phát huy quyền lực Nhà nước, đảm bảo dân chủ, công bằng.



b. Phương tiện để công dân thực hiện & bảo vệ quyền, lợi ích

- Ghi nhận quyền và nghĩa vụ.
- Cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền.
- Công cụ bảo vệ khi quyền lợi bị xâm hại (khiếu nại, khởi kiện).
- Giải quyết tranh chấp công bằng.

III. MỐI QUAN HỆ PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC



b. Điểm khác nhau



1. Nguồn gốc, hình thức

PL: Nhà nước ban hành, văn bản.
ĐĐ: Xã hội hình thành, phong tục, chuẩn mực.



2. Tính bắt buộc

PL: Quyền lực, bắt buộc chung, cưỡng chế.
ĐĐ: Dư luận, lương tâm, chế trách.



3. Phạm vi điều chỉnh

PL: Quan hệ quan trọng (kinh tế, chính trị...)
ĐĐ: Rộng hơn (ứng xử, tình cảm...).

Ý NGHĨA & THÔNG ĐIỆP

c. Ý nghĩa mối quan hệ:

- Giúp điều chỉnh hành vi toàn diện.
- Đạo đức là nền tảng xây dựng pháp luật.
- Pháp luật củng cố, bảo vệ chuẩn mực đạo đức.

THÔNG ĐIỆP: PHÁP LUẬT LÀ NỀN TẢNG CỦA TRẬT TỰ XÃ HỘI, CÔNG CỤ QUẢN LÝ HIỆU QUẢ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ LÁ CHÌM BẢO VỆ QUYỀN LỢI HỢP PHÁP CỦA MỌI CÔNG DÂN.

Câu 1: Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính cưỡng chế. **B. Tính quyền lực bắt buộc chung.**
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. **D. Tính quy phạm phổ biến.**

Câu 2: Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. **B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.**
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D. Tính quy phạm phổ biến.**

Câu 3: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức. **B. Tính kỉ luật nghiêm minh.**
C. Tính quy phạm phổ biến. **D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.**

Câu 4: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. **B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.**
C. Hiệu lực tuyệt đối. **D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.**

Câu 5: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính công khai. **B. Tính dân chủ.**
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D. Tính quy phạm phổ biến.**

Câu 6: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung. **B. Tính công khai.**
C. Tính dân chủ. **D. Tính qui phạm phổ biến.**

Câu 7: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân. **B. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.**
C. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân. **D. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.**

Câu 8: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội cho nên nó gắn liền với các

- A. quy tắc bắt buộc chung. **B. quy tắc xử sự chung.**

C. quy tắc bắt buộc riêng.

D. quy tắc xử sự riêng.

Câu 9: Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính cưỡng chế.

Câu 10: Đặc điểm nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 11: Việc làm nào dưới đây thể hiện pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội?

A. Kiểm tra các hoạt động kinh doanh của cá nhân.

B. Tố cáo nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật.

C. Đăng kí kinh doanh khi có đủ điều kiện hợp pháp.

D. Đề nghị xem xét lại quyết định của cơ quan nhà nước.

Câu 12: Căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ, cảnh sát giao thông đã xử phạt những người vi phạm để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trong những trường hợp này pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Là công cụ để bảo vệ trật tự an toàn giao thông. B. Là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

C. Là công cụ để nhân dân đấu tranh với người vi phạm.

D. Là phương tiện để nhà nước trừng trị kẻ phạm tội.

Câu 13: Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là đặc điểm nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức

B. Tính quy phạm phổ biến

C. Tính quyền lực bắt buộc chung

D. Tính cưỡng chế

Câu 14: Những quy tắc xử sự chung về những việc được làm, những việc phải làm, những việc không được làm, những việc cấm đoán là phản ánh nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Kinh tế.

B. Đạo đức.

C. Pháp luật.

D. Chính trị.

Câu 15: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. B. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.

C. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.

D. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

Câu 16: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

A. lợi ích kinh tế của mình.

B. quyền và nghĩa vụ của mình.

C. các quyền của mình.

D. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Câu 17: Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước. Nhận định này thể hiện đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực bắt buộc chung.

D. Tính hiệu lực bắt buộc chung.

Câu 18: Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 19: Pháp luật là phương tiện để Nhà nước

A. bảo vệ các giai cấp.

B. bảo vệ các công dân.

C. quản lý xã hội.

D. quản lý công dân.

Câu 20: Khi biết chị T mang thai, giám đốc công ty X đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng với chị, chị đã làm đơn khiếu nại lên ban giám đốc công ty. Trong trường hợp này, pháp luật có vai trò như thế nào?

A. Nhà nước quản lý các tổ chức.

B. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

C. Nhà nước quản lý công dân.

D. Thực hiện nghĩa vụ hợp pháp của công dân.

Câu 21: Người bị xử phạt hành chính do không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông là biểu hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính quy phạm phổ biến

C. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

D. Tính quyền lực bắt buộc chung.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò quản lý xã hội bằng pháp luật của nhà nước?

A. Đăng nhập cổng thông tin quốc gia.

B. Tự do đăng ký kết hôn theo quy định.

C. Chấn chỉnh việc kinh doanh trái phép.

D. Ca ngợi phong trào phòng chống dịch.

Câu 23: Nhờ có pháp luật, nhà nước mới kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhận định này muốn đề cập đến

- A. đặc trưng của pháp luật.
- B. chức năng của pháp luật.
- C. vai trò của pháp luật.
- D. nhiệm vụ của pháp luật.

Câu 24: Nội dung của văn bản luật cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản luật cấp trên là thể hiện

- A. tính bắt buộc chung.
- B. quy phạm phổ biến.
- C. tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- D. tính cưỡng chế.

Câu 25: Pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng

- A. quyền lực nhà nước.
- B. quyền lực nhân dân.
- C. quyền lực xã hội.
- D. quyền lực chính trị.

Câu 26: Nhà nước Việt Nam quản lý xã hội bằng phương tiện nào sau đây?

- A. Pháp luật.
- B. Kinh tế.
- C. Chính trị.
- D. Đạo đức.

Câu 27: Cảnh sát giao thông xử phạt hành chính người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm. Quy định này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- B. Tính quy phạm phổ biến.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 28: Để quản lý xã hội bằng pháp luật một cách hiệu quả trên quy mô toàn xã hội, đưa pháp luật vào đời sống thành nhận thức của từng người dân và của toàn xã hội, thì nhà nước phải

- A. ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật.
- B. tăng cường xử phạt thật nặng mọi người.
- C. tổ chức tốt lực lượng xử phạt người dân.
- D. ban hành và tổ chức phát triển kinh tế.

Câu 29: Đối với công dân, pháp luật có vai trò như thế nào?

- A. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
- B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Bảo vệ lợi ích tuyệt đối của công dân.
- D. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.

Câu 30: Xét về mặt chủ thể thì pháp luật do

- A. cơ quan, tổ chức ban hành.
- B. địa phương ban hành.
- C. nhà nước ban hành.
- D. cá nhân ban hành.

Câu 31: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống

- A. cơ quan, trường học.
- B. gia đình.
- C. xã hội.
- D. tổ dân phố.

Câu 32: Một trong những đặc điểm cơ bản của pháp luật thể hiện ở tính

- A. bảo mật nội bộ.
- B. bao quát, định hướng tổng thể.
- C. xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- D. chuyên chế độc quyền.

Câu 33: Văn bản đòi hỏi diễn đạt phải chính xác, một nghĩa để công dân hiểu và thực hiện đúng pháp luật là phản ánh đặc điểm cơ bản nào?

- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Anh T đi xe máy vượt đèn đỏ nên bị cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt. Anh T trình bày vì gia đình có việc nên anh đi vội, không chú ý tín hiệu đèn giao thông. Anh mong muốn cảnh sát giao thông bỏ qua cho lỗi của mình. Người cảnh sát giải thích: "Để bảo đảm trật tự, an toàn cho mọi người khi tham gia giao thông và giao thông được thông suốt, Nhà nước đã ban hành pháp luật quy định người tham gia giao thông phải chấp hành tín hiệu đèn giao thông, dừng xe trước vạch kẻ đường khi gặp đèn đỏ. Đây là quy tắc xử sự chung bắt buộc tất cả mọi người khi tham gia giao thông phải tuân thủ và thực hiện nghiêm túc ở mọi nơi, vào bất kì thời gian nào. Nếu không tuân thủ quy định này sẽ bị xử phạt".

Câu 1: Việc cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt anh T là thể hiện tính

- A. nhân văn, nhân ái.
- B. quyền lực nhà nước.
- C. quy phạm phổ biến.
- D. lợi ích cá nhân

Câu 2: Vai trò quản lý xã hội của pháp luật được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

- A. Bảo vệ quyền lợi của công dân.
- B. Điều chỉnh hành vi của công dân.
- C. Xác nhận tư cách quyền công dân.
- D. xâm phạm lợi ích của công dân.

Câu 3: Việc cảnh sát giao thông tiến hành lập biên bản xử phạt những người có hành vi vi phạm các quy định của Luật giao thông đường bộ phản ánh vai trò nào dưới đây của pháp luật?

- A. Bảo vệ quyền lợi của công dân.
- B. Xác nhận các quyền công dân.

C. Quản lý xã hội.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân có trách nhiệm chấp hành tín hiệu điều khiển giao thông để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật

A. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 5: Việc cảnh sát giao thông tiến hành lập biên bản xử phạt anh T thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong hoạt động chế biến thực phẩm tại nhà hàng X do bà H làm chủ. Ông D cán bộ cơ quan có thẩm quyền đã thành lập đoàn thanh tra đột xuất đối với toàn bộ quy trình chế biến và tiêu thụ tại cửa hàng của bà H. Trong quá trình thanh tra, cơ quan chức năng đã phát hiện bà H chủ nhà hàng X có hành vi sử dụng một số thực phẩm không có nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm đã hết hạn sử dụng để chế biến thực phẩm cho khách hàng dẫn đến một khách hàng là anh M bị ngộ độc phải nhập viện điều trị nhiều ngày. Ngay sau đó ông D đã tiến hành lập biên bản xử phạt và thu hồi giấy phép kinh doanh của bà H

A. Bà H không phải là chủ thể sản xuất nên không có nghĩa vụ phải chấp hành các quy định của pháp luật.

B. Ông D đã làm tốt vai trò là chủ thể nhà nước trong việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh.

C. Việc xử phạt của cơ quan chức năng thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật?

D. Anh M có quyền khởi kiện để yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại cho bản thân mình.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Sau khi tốt nghiệp đại học, chị V và anh B cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh hàng nội thất. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, ông M cán bộ cơ quan chức năng đã cấp phép cho anh B, còn hồ sơ của chị V do còn thiếu một số giấy tờ nên chưa được cấp. Nghi ngờ ông M nhận hối lộ, chị V viết bài xúc phạm ông M lên mạng xã hội khiến uy tín của ông bị giảm sút nghiêm trọng, nên bị cơ quan chức năng xử phạt.

A. Hoạt động tiến hành đăng ký kinh doanh của chị V và anh B thể hiện tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.

B. Ông M giữ vai trò là chủ thể nhà nước trong hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh.

C. Ông M có quyền khiếu nại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do chị V xâm phạm.

D. Việc xử phạt chị V của cơ quan chức năng thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật.



HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

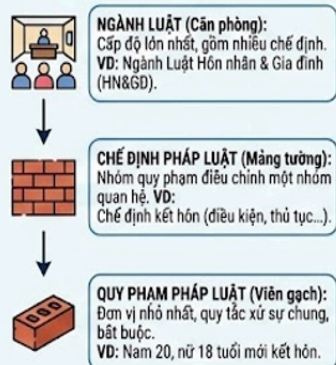
a. Khái niệm



Toàn bộ các quy phạm pháp luật, nguyên tắc, định hướng chặt chẽ, thống nhất. Sắp xếp thành ngành luật, chế định. Mục đích: điều chỉnh quan hệ xã hội, đảm bảo trật tự, công bằng, phát triển.

Hệ thống PL = Ngôi nhà lớn;
Ngành luật = Phòng;
Chế định = Ngăn nhỏ;
Quy phạm = Viên gạch.

b. Cấu trúc bên trong



c. Ghi nhớ & Ví dụ

Quy phạm → Chế định → Ngành luật
Ví dụ (HN&GD):
Quy phạm: Tuổi kết hôn.
→ Chế định: Kết hôn.
→ Ngành luật: Luật HN&GD.

2. CÁC LOẠI VĂN BẢN PHÁP LUẬT



a. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)

Khái niệm: Chứa quy tắc xử sự chung, bắt buộc, áp dụng nhiều lần, cho nhiều đối tượng. Ban hành đúng thẩm quyền, thứ bậc.

1. Văn bản luật (Quốc hội ban hành): Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Nghị quyết. Hiệu lực cao nhất.
2. Văn bản dưới luật (Cơ quan khác ban hành): Pháp lệnh, Lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư... Quy định chi tiết, hướng dẫn.

VD: Luật Giao thông đường bộ 2008; Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

b. VĂN BẢN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT (VBAPPL)

Khái niệm: Chứa quy tắc xử sự cá biệt, quyền lực.

Áp dụng cho đối tượng cụ thể, tình huống cụ thể, thường một lần.
Mục đích: Giải quyết vụ việc cụ thể, xác lập quyền/nghĩa vụ cá biệt.

VD: Bản án của Tòa án; Quyết định xử phạt của CSGT; Giấy phép kinh doanh.

c. Phân biệt VBQPPL & VBAPPL

Tiêu chí	VBQPPL	VBAPPL
Tính chất	Quy tắc xử sự chung, nhiều lần, nhiều đối tượng.	Quy tắc xử sự cá biệt, một lần, một đối tượng.
Mục đích	Tạo khuôn khổ pháp lý chung.	Giải quyết vụ việc cụ thể, xác lập quyền/nghĩa vụ cá biệt.
Chủ thể ban hành	Quốc hội & cơ quan theo Luật.	Cơ quan, công chức có thẩm quyền hoặc được trao quyền.
Phạm vi áp dụng	Rộng, nhiều người, nhiều lĩnh vực.	Hẹp, một cá nhân/tổ chức xác định.
Ví dụ	Hiến pháp, Luật HN&GD, Nghị định 100.	Bản án, Quyết định xử phạt, Giấy phép KD.

THÔNG ĐIỆP: HIỂU RÕ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ PHÂN BIỆT CÁC LOẠI VĂN BẢN LÀ CHÌA KHÓA ĐỂ TUÂN THỦ VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐÚNG ĐẴN TRONG ĐỜI SỐNG.

- Câu 18:** Văn bản quy phạm pháp luật bao gồm văn bản luật và
 A. văn bản dưới luật. B. văn bản trên luật. C. văn bản thi hành. D. văn bản khảo sát.
- Câu 19:** Văn bản quy phạm pháp luật bao gồm văn bản dưới luật và
 A. văn bản luật. B. hướng dẫn thi hành. C. hướng dẫn nội dung. D. chế tài xử lý.
- Câu 20:** Văn bản luật là văn bản do chủ thể nào dưới đây ban hành?
 A. Quốc hội. B. Hội đồng nhân dân. C. Ủy ban nhân dân. D. Đảng Cộng sản.
- Câu 21:** Văn bản nào dưới đây thuộc văn bản Luật?
 A. Hiến pháp. B. Điều lệ Đảng. C. Nội quy Đại hội. D. Quyết định điều động.
- Câu 22:** Văn bản nào dưới đây thuộc văn bản Luật?
 A. Bộ luật. B. Hiến chương các nhà giáo. C. Lời kêu gọi ủng hộ. D. Lời hiệu triệu.
- Câu 23:** Văn bản nào dưới đây thuộc văn bản Luật?
 A. Nghị quyết của thường vụ Quốc hội. B. Nghị định thư gia nhập Quốc tế. C. Nghị quyết của ủy ban nhân dân xã. D. Quyết định xử phạt của UBND tỉnh.
- Câu 24:** Văn bản nào dưới đây thuộc văn bản Luật?
 A. Luật. B. Điều lệ. C. Hiến chương. D. Công hàm.
- Câu 25:** Văn bản luật **không** bao gồm văn bản nào dưới đây?
 A. Hiến pháp. B. Luật hành chính. C. Luật tổ tụng dân sự. D. Biên bản xử phạt hành chính.
- Câu 26:** Văn bản nào dưới đây là văn bản dưới luật?
 A. Hiến pháp. B. Bộ luật. C. Luật. D. Thông tư.
- Câu 27:** Văn bản nào dưới đây là văn bản dưới luật?
 A. Bộ luật Hình sự. B. Bộ luật Lao động. C. Luật hành chính. D. Nghị định chính phủ.
- Câu 28:** Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản có chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính
 A. cá biệt. B. triu tượng. C. bất biến. D. chung chung.
- Câu 29:** Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản có nội dung cụ thể đối với cá nhân, tổ chức xác định được thực hiện
 A. một lần trong thực tiễn. B. lặp đi lặp lại trong thực tế. C. cố định trong một năm. D. linh động tùy trường hợp.
- Câu 30:** Xét theo trật tự thứ bậc trong hệ thống văn bản pháp luật nước ta, các văn bản gồm: Nghị định, Pháp lệnh, Luật, Chỉ thị sẽ được sắp xếp theo trình tự nào dưới đây là đúng?
 A. Luật – Pháp lệnh – Nghị định – Chỉ thị. B. Pháp lệnh – Luật – Nghị định – Chỉ thị. C. Pháp lệnh – Nghị định – Luật – Chỉ thị. D. Nghị định – Luật – Pháp lệnh – Chỉ thị.
- Câu 31:** Quy phạm pháp luật được thể hiện bằng hình thức
 A. Văn bản. B. Lời nói. C. Hành vi cụ thể. D. Hành động.
- Câu 32:** Văn bản pháp luật có giá trị hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản pháp luật nước ta:
 A. Hiến pháp. B. Nghị quyết của Quốc hội. C. Lệnh của Chủ tịch nước. D. Pháp lệnh.
- Câu 33:** Hình thức thể hiện bên ngoài của văn bản quy phạm pháp luật gồm:
 A. Văn bản luật và văn bản dưới luật. B. Ngành luật. C. Chế định luật. D. Quy phạm pháp luật.
- Câu 34:** Văn bản dưới luật là một trong các tên gọi nào sau đây?
 A. Nghị định B. Hiến pháp C. Bộ luật D. Luật
- Câu 35:** Văn bản dưới luật nào thấp nhất trong sơ đồ hệ thống pháp luật Việt Nam?
 A. Quyết định của ủy ban nhân dân cấp xã B. Nghị quyết của HĐND cấp Tỉnh C. Quyết định của UBND cấp Huyện D. Nghị quyết của HĐND cấp Huyện
- Câu 36:** Văn bản nào dưới đây do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành
 A. Pháp lệnh B. Nghị định C. Lệnh D. Quyết định
- Câu 37:** Văn bản nào sau đây là văn bản quy phạm pháp luật?
 A. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh B. Quyết định xử phạt hành chính C. Quyết định khen thưởng của trường THPTD. Quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân Huyện
- Câu 38:** Về hình thức hệ thống pháp luật được thể hiện qua:
 A. Các văn bản quy phạm pháp luật B. Trong đời sống C. Quy tắc đạo đức xã hội D. Quy tắc xử sự chung
- Câu 39:** Tìm sắp xếp đúng theo thứ bậc văn bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Hiến pháp, Luật, Bộ luật

C. Bộ luật, Luật, Hiến pháp

B. Luật, Hiến pháp, Bộ luật

D. Nghị quyết, Luật, Hiến pháp.

Câu 40: Luật giáo dục 2019 là văn bản thuộc:

A. hệ thống pháp luật Việt Nam.

C. định hướng phát triển nhân lực.

B. quy định riêng của một hoạt động.

D. Kế hoạch phát triển giáo dục.

Câu 41: Văn bản áp dụng pháp luật nhằm giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để đưa ra các quyết định làm phát sinh

A. các quyền cụ thể của công dân

C. tất cả nhu cầu của cá nhân

B. những quan điểm trái chiều

D. mọi giao dịch dân sự.

Câu 42: Mục đích của việc áp dụng pháp luật là cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra quyết định nhằm chấm dứt

A. nghĩa vụ cụ thể của công dân

C. sự phát triển của xã hội

B. các loại hình tín ngưỡng dân gian

D. mọi nguồn lực tự nhiên

Câu 43: Đây là văn bản dưới luật?

A. Lệnh

B. Hiến pháp

C. Luật

D. Bộ luật

Câu 44: Yếu tố nào thuộc cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Ngành luật

B. Luật

C. Bộ luật

D. Hiến pháp

Câu 45: Yếu tố nào thuộc cấu trúc bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Luật

B. Ngành luật

C. Chế định luật

D. Quy phạm pháp luật

Câu 46: Anh A xây dựng nhà và đưa vào sử dụng năm 2010 (giấy phép của Ủy ban nhân dân huyện X cấp) trên phần đất vi phạm lộ giới. Đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân phường T đã kiểm tra và ra quyết định cưỡng chế công trình của anh

A. Quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân phường T thuộc loại văn bản quy phạm pháp luật nào dưới đây?

a. Văn bản dưới luật.

B. Văn bản Luật.

C. Văn bản ngang luật.

D. Văn bản Điều lệ.

Câu 47: Bộ Giao thông- Vận tải ban hành Thông tư số 58 quy định phải đổi giấy phép lái xe loại giấy sang vật liệu mới bằng vật liệu PET theo lộ trình với mức giá khác cao, đặc biệt, quy định nếu sau 6 tháng người không chuyển đổi sẽ phải sát hạch lại lý thuyết để được cấp lại giấy phép lái xe. Xét về cấu trúc của hệ thống pháp luật, Thông tư 58 là loại văn bản quy phạm pháp luật nào dưới đây?

A. Văn bản dưới luật.

B. Văn bản Luật.

C. Văn bản ngang luật.

D. Văn bản điều hành.

Câu 48: Chương II Luật Hôn nhân và gia đình gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội về kết hôn, gồm điều kiện kết hôn, những trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn, huỷ việc kết hôn trái pháp luật, xử lý vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, cản trở việc kết hôn đúng pháp luật,...Xét về cấu trúc của hệ thống pháp luật, luật hôn nhân và gia đình là loại văn bản quy phạm pháp luật nào dưới đây?

A. Văn bản Luật.

B. Văn bản dưới luật.

C. Văn bản pháp quy.

D. Văn bản giải thích

A. Ban hành pháp luật.

C. Phổ biến pháp luật.

B. Giáo dục pháp luật.

D. Thực hiện Pháp luật.

Câu 11: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

A. nhận xét ứng cử viên.

C. hỗ trợ cấp đổi căn cước.

B. sử dụng giấy tờ giả.

D. cung cấp thông tin cá nhân.

Câu 12: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức sử dụng đúng các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép?

A. Sử dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 13: Trên đường đi học về, gặp trời mưa to, cháu B học sinh lớp 7 đã chủ động thu dọn rác thải tích tụ tại miệng cống thoát nước để giảm tình trạng ngập úng. Cháu B đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Phổ cập pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Thực thi pháp luật.

Câu 14: Chị Q sử dụng vỉ hè để bán hàng ăn sáng là **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Tiếp cận thông tin kinh tế.

B. Làm giả nhãn hiệu hàng hóa.

C. Đăng nhập thông tin trực tuyến.

D. Đăng ký nhập học trước tuổi.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Hợp tác để làm giả giấy khám bệnh.

B. Độc lập lựa chọn ứng cử viên.

C. Ủng hộ công tác phòng chống dịch.

D. Công khai danh tính người tố cáo.

Câu 17: Anh D là trưởng đoàn thanh tra liên ngành lập biên bản xử phạt và tịch thu toàn bộ số mỹ phẩm giả mà cơ sở T đã sản xuất. Anh D đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Phổ biến pháp luật

B. Sử dụng pháp luật

C. Tuân thủ pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, công dân tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.

B. Đăng ký nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.

C. Tố cáo người nhập cảnh trái phép.

D. Cung cấp thông tin người nhập cảnh trái phép.

Câu 19: Người có thẩm quyền đã áp dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi nội dung di chúc.

B. ủy quyền giao nhận hàng hóa.

C. Xóa bỏ các loại cạnh tranh.

D. Thu hồi giấy phép kinh doanh.

Câu 20: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

A. tuân thủ pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. thi hành pháp luật.

D. áp dụng pháp luật.

Câu 21: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật là hình thức

A. áp dụng pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. tuân thủ pháp luật.

D. thi hành pháp luật.

Câu 22: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có chủ thể thực hiện khác với các hình thức còn lại?

A. Áp dụng PL.

B. Sử dụng PL.

C. Thi hành PL.

D. Tuân thủ PL.

Câu 23: Bạn L viết bài chia sẻ về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay để đăng lên trang Web của nhà trường. Bạn L đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 24: Cá nhân, tổ chức sử dụng pháp luật tức là làm những gì mà pháp luật

A. cho phép làm.

B. quy định phải làm.

C. quy định cho làm.

D. không cho phép làm.

Câu 25: Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh tùy theo khả năng và sở thích của mình là thực hiện pháp luật theo hình thức nào?

A. Áp dụng pháp luật

B. Sử dụng pháp luật.

C. Phổ biến pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 26: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, không chủ động thực hiện cũng bị bắt buộc phải thực hiện?

A. Thi hành pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 27: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. áp dụng pháp luật

B. tuân thủ pháp luật

C. sử dụng pháp luật

D. thi hành pháp luật

Câu 28: Chỉ cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền mới được

A. thi hành pháp luật.

B. áp dụng pháp luật.

C. tuân thủ pháp luật.

D. sử dụng pháp luật.

Câu 29: Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh A và chị B là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Áp dụng pháp luật. B. Phổ biến pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Giáo dục pháp luật

Câu 30: Công dân thi hành pháp luật khi

- A. che giấu người nhập cảnh trái phép. B. đề nghị thay đổi nơi bỏ phiếu.
C. nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. từ chối khai báo tạm trú theo quy định.

Câu 31: Chị K kinh doanh mỹ phẩm nhưng bán thêm thực phẩm chức năng giả. Để mua chuộc đoàn thanh tra liên ngành, chị K nhờ chị H đưa 30 triệu đồng cho trưởng đoàn thanh tra là ông Q nhưng bị ông Q từ chối và lập biên bản xử phạt chị K. Khi chị K đến nhà chị H để đòi lại tiền thì giữa hai chị đã xảy ra xô xát, con chị H đã gọi điện báo công an phường. Sau khi xác minh, trưởng công an phường là ông T đã lập biên bản xử phạt chị K về hành vi gây rối trật tự công cộng. Những ai sau đây đã áp dụng pháp luật?

- A. Ông Q và chị K. B. Ông T và ông Q.
C. Ông T, ông Q và chị K. D. Ông T, ông Q và chị H.

Câu 32: Tại cuộc họp tổ dân phố X, vì bà P tố cáo việc ông S nhập khẩu trái phép tôm càng đỏ nên ông S đã đánh bà P bị ngất xỉu. Thấy vậy, chủ tọa là ông C đã tạm dừng cuộc họp và đề nghị anh B, là y tá đồng thời là người duy nhất có xe ô tô, đưa bà P đi cấp cứu. Nhưng do có mâu thuẫn cá nhân từ trước, anh B đã từ chối đề nghị của ông C, buộc ông phải gọi xe cứu thương đưa bà P đến bệnh viện. Những ai dưới đây chưa tuân thủ pháp luật?

- A. Bà P và ông C. B. Ông S, ông C và bà P.
C. Anh B, bà P và ông C. D. Ông S và anh B.

Câu 33: Hai cơ sở chế biến thực phẩm của ông T và ông Q cùng xả chất thải chưa qua xử lý gây ô nhiễm môi trường. Vì đã nhận tiền của ông T từ trước nên khi đoàn cán bộ chức năng đến kiểm tra, ông P trưởng đoàn chỉ lập biên bản xử phạt và đình chỉ hoạt động cơ sở chế biến của ông Q. Bức xúc, ông Q thuê anh G là lao động tự do tung tin bịa đặt cơ sở của ông T thường xuyên sử dụng hóa chất độc hại khiến lượng khách hàng của ông T giảm sút. Những ai dưới đây đã áp dụng sai pháp luật?

- A. Ông Q B. Ông P. C. Anh G. D. Ông T.

Câu 34: Công ty S do ông V làm giám đốc đã gây thất thoát hàng chục tỷ đồng của nhà nước, đồng thời ông V còn chỉ đạo kế toán công ty là chị T tiêu hủy các chứng từ có liên quan. Biết chuyện đó nên anh X là nhân viên công ty đã tố cáo ông V, thấy vậy con ông V là M đã nhờ S, Q và K hành hung anh X, đồng thời đưa ông V trốn đi xa. Còn chị T do được chồng là anh Y vận động đã ra đầu thú và bị xử lý theo pháp luật. Những ai đã thi hành pháp luật?

- A. Anh X và anh Y. B. Chị T và ông V. C. Anh X và anh M. D. Chị T và anh Y.

Câu 35: Trong một cuộc họp, ông B là Chủ tịch phường đã ngắt lời không cho anh H tiếp tục phát biểu khi anh lên tiếng phê bình chị C. Do anh H phản đối nên ông B đã lệnh cho anh K là nhân viên bảo vệ ngoài hội trường buộc anh H phải rời cuộc họp. Mặc dù được vợ là chị T can ngăn nhưng anh G là nhân viên dưới quyền ông B nhân chuyện này đã viết bài bịa đặt ông bạo hành nhân viên đăng lên mạng xã hội làm cho uy tín của ông B bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ông B và anh G chưa thực hiện đúng pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Thi hành pháp luật. B. Sử dụng pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 36: Vì chị H thường xuyên bị ông M lãnh đạo cơ quan gây khó khăn nên anh P chồng chị là phóng viên đã viết bài đăng báo xuyên tạc việc ông M sử dụng ngân sách của đơn vị sai mục đích. Ông M nhờ chị T là chủ tịch công đoàn khuyên vợ chồng chị H nên cải chính nội dung bài báo đó nhưng chị H từ chối. Vì thế ông M không cho chị phát biểu ý kiến trong nhiều cuộc họp sau này. Những ai dưới đây chưa tuân thủ pháp luật?

- A. Anh P, ông M và chị T. B. Anh P và ông M.
C. Ông M và chị H. D. Anh P, ông M và chị H.

Câu 37. Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ –CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 05/ BB-VPHC lập ngày 26/03/2024; Ông T – Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh ND đã ra quyết định xử phạt hành chính với Công ty kinh doanh thực phẩm TH đã có hành vi xả chất thải không qua xử lý ra môi trường. Mức xử phạt là 50 000 000 đồng và đình chỉ hoạt động 3 tháng để khắc phục vi phạm.

- A. Luật Bảo vệ môi trường là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
B. Nghị định của Chính phủ không phải là văn bản quy phạm pháp luật.
C. Quyết định xử phạt hành chính của ông T là văn bản áp dụng pháp luật.

D. Quyết định xử phạt hành chính của ông T là văn bản luật.



GIỚI THIỆU VỀ HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐẠO LUẬT GỐC - NỀN TẢNG CỦA QUỐC GIA

1. KHÁI NIỆM VÀ VỊ TRÍ CỦA HIẾN PHÁP



KHÁI NIỆM: Hệ thống quy phạm pháp luật có HIỆU LỰC PHÁP LÝ CAO NHẤT. Quy định các vấn đề **CƠ BẢN NHẤT**: Chủ quyền, chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, quyền con người & công dân.



VỊ TRÍ: Luật cơ bản, HIỆU LỰC PHÁP LÝ TỐI CAO. Mọi văn bản pháp luật khác **PHẢI PHÙ HỢP**. Mọi hành vi vi phạm **ĐỀU BỊ XỬ LÝ**.

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA HIẾN PHÁP



LUẬT CƠ BẢN: Quy định những vấn đề **CỐT LÕI NHẤT** của Nhà nước và xã hội.



LUẬT GỐC: Cơ sở để **XÂY DỰNG** và **BAN HÀNH** các văn bản pháp luật khác.



QUY TRÌNH ĐẶC BIỆT: Xây dựng, ban hành, sửa đổi theo **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẶC BIỆT**.

3. NGHĨA VỤ CÔNG DÂN ĐỐI VỚI HIẾN PHÁP



 **TÍCH CỰC TÌM HIỂU:**
Nắm vững nội dung, quy định.

 **NGHIÊM CHỈNH TUÂN THỦ:**
Tự giác thực hiện trong đời sống.

 **TUYÊN TRUYỀN & ĐẤU TRANH:**
Bảo vệ Hiến pháp, chống vi phạm.

4. QUY TRÌNH SỬA ĐỔI & VAI TRÒ & LỊCH SỬ

a. QUY TRÌNH SỬA ĐỔI
Ít nhất 2/3 tổng số ĐBQH tán thành.
Đảm bảo **TÍNH ỔN ĐỊNH**.

b. VAI TRÒ
Cơ sở pháp lý tối cao;
ĐẢM BẢO thống nhất, chủ quyền;
XÁC LẬP giá trị nền tảng;
BẢO VỆ quyền lực, quyền con người.

LỊCH SỬ CÁC BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM:

1946: Đầu tiên, dân chủ.	1959: Xây dựng CNXH miền Bắc.	1980: Thống nhất, cả nước đi lên CNXH.	1992 (SĐ 2001): Thời kỳ Đổi mới, kinh tế thị trường.	2013: Mới toàn diện, hội nhập. (Hiệu lực từ 01/01/2014)	SỬA ĐỔI 2025 (Hiệu lực 16/06/2025) Tinh gọn bộ máy, chính quyền 2 cấp (tỉnh-s), bãi bỏ cấp huyện.
-----------------------------	----------------------------------	---	---	--	---

**HIẾN PHÁP - NGỌN ĐUỐC SOI ĐƯỜNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC!
HÃY TÔN TRỌNG VÀ CHẤP HÀNH NGHIÊM CHỈNH!**

Câu 1: Hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hoá, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lý của con người và công dân là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Hiến pháp. B. Luật hành chính. C. Luật lao động. D. Luật hình sự.

Câu 2: Văn bản pháp luật nào được coi là Luật cơ bản của nhà nước

- A. Hiến pháp. B. Luật nhà nước.
C. Luật tổ chức Quốc hội. D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

Câu 3: Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, văn bản pháp luật nào có giá trị pháp lý cao nhất?

- A. Hiến pháp. B. Luật nhà nước.
C. Luật tổ chức Quốc hội. D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

Câu 4: Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý

- A. cao nhất. B. thấp nhất. C. vĩnh cửu. D. vĩnh viễn

Câu 5: Hiến pháp đầu tiên của nước ta được ban hành vào năm nào?

- A. 1946. B. 1945. C. 1947. D. 1950.

Câu 6: Bản Hiến pháp hiện hành của nước ta là năm nào?

- A. 2013. B. 1980. C. 1992. D. 2001.

Câu 7: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản quy phạm pháp luật do

- A. Chủ tịch nước ban hành B. Quốc hội ban hành.
C. Thủ tướng chính phủ giới thiệu. D. Mặt trận tổ quốc ban hành

Câu 8: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề

- A. cơ bản và quan trọng nhất. B. cơ bản và cụ thể hóa mọi vấn đề.
C. quan trọng nhất đối với ngân sách. D. quan trọng nhất đối với Đảng.

Câu 9: Trong hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam, Hiến pháp được coi là

- A. đạo luật cơ bản nhất. B. luật cụ thể nhất.
C. luật dễ thay đổi nhất. D. luật thiếu tính ổn định.

Câu 10: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

- A. tuyên ngôn. B. bất biến. C. kinh tế. D. kinh doanh.

Câu 11: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

- A. cương lĩnh. B. cương quyết. C. thương mại. D. vĩnh cửu.

Câu 12: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính tuyên ngôn, góp phần

- A. tăng thu ngân sách.
- C. điều chỉnh chung.

- B. tăng tính quyền lực.
- D. điều chỉnh cụ thể

Câu 13: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, vì dựa vào các quy định trong Hiến pháp các luật, pháp lệnh, nghị định và các văn bản dưới luật khác sẽ

- A. cụ thể hóa Hiến pháp.
- C. độc lập với Hiến pháp.

- B. chỉnh sửa lại Hiến pháp.
- D. xa rời nội dung Hiến pháp

Câu 14: Hiến pháp được thông qua khi có bao nhiêu tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành?

- A. Ít nhất hai phần ba.
- C. Hai phần ba.

- B. Một phần ba.
- D. Ít nhất một phần ba.

Câu 15: Yêu cầu làm, sửa đổi Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 1.
- B. Bước 2.
- C. Bước 3.
- D. Bước 4.

Câu 16: Quốc hội quyết định làm, sửa đổi Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 2.
- B. Bước 1.
- C. Bước 3.
- D. Bước 4.

Câu 17: Quốc hội thành lập Ban dự thảo Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 3.
- B. Bước 4.
- C. Bước 1.
- D. Bước 2.

Câu 18: Soạn thảo dự thảo Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 4.
- B. Bước 3.
- C. Bước 2.
- D. Bước 1.

Câu 19: Lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 5.
- B. Bước 4.
- C. Bước 3.
- D. Bước 2.

Câu 20: Trình Quốc hội thảo luận Dự thảo Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 6.
- B. Bước 5.
- C. Bước 4.
- D. Bước 3.

Câu 21: Quốc hội thông qua Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 7.
- B. Bước 6.
- C. Bước 5.
- D. Bước 4.

Câu 22: Chủ tịch nước công bố Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?

- A. Bước 8.
- B. Bước 7.
- C. Bước 6.
- D. Bước 5.

Câu 23: Chủ thể nào dưới đây **không** có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Chủ tịch nước.
- C. Chính phủ.

- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- D. Tòa án nhân dân tối cao.

Câu 24: Chủ thể nào dưới đây **không** có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Chủ tịch nước.
- C. Chính phủ.

- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- D. Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Câu 25: Chủ thể nào dưới đây **không** có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Chủ tịch Quốc hội.
- C. Chính phủ.

- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- D. Một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

Câu 26: Chủ thể nào dưới đây **không** có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Thủ tướng chính phủ
- C. Chính phủ.

- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- D. Một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

Câu 27: Chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Thủ tướng chính phủ.
- C. Chủ tịch Quốc hội.

- B. Chủ tịch nước.
- D. Tổng bí thư.

Câu 28: Chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Thủ tướng chính phủ.
- C. Chủ tịch Quốc hội.

- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- D. Tổng bí thư.

Câu 29: Chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Thủ tướng chính phủ.
- C. Chủ tịch Quốc hội.

- B. Chính phủ.
- D. Tổng bí thư.

Câu 30: Chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp?

- A. Thủ tướng chính phủ.
- C. Chủ tịch Quốc hội.

- B. Một phần ba số đại biểu quốc hội.
- D. Tổng bí thư.

Câu 31 : Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

- A. Đất liền. B. Hải đảo. C. Vùng trời. D. Vùng núi.
- Câu 8:** Hiến pháp năm 2013 quy định lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm
- A. Đất liền, vùng biển và vùng trời. B. Đất liền, vùng đất và vùng trời.
C. Đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.
D. Đất liền, vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- Câu 9:** Khi đề cập đến lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 2013 không quy định nội dung nào dưới đây?
- A. Đất liền. B. Hải đảo. C. Vùng biển. D. Khu tự trị.
- Câu 10:** Khi đề cập đến lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 2013 không quy định nội dung nào dưới đây?
- A. Đất liền. B. Vùng biển. C. Vùng trời. D. Vùng tiếp giáp.
- Câu 11:** Hiến pháp 2013 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước
- A. có quyền xâm lược. B. có chủ quyền.
C. có quyền áp đặt. D. có phụ thuộc.
- Câu 12:** Hiến pháp 2013 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước thống nhất
- A. toàn vẹn lãnh thổ. B. chia cắt nhiều vùng.
C. có nhiều khu tự trị. D. có quyền xâm lược.
- Câu 13:** Hiến pháp 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước
- A. pháp quyền Xã hội chủ nghĩa. B. pháp quyền dân chủ xã hội.
C. chuyên chính tư sản. D. chuyên chính tư nhân
- Câu 14:** Hiến pháp 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do ai làm chủ?
- A. Của dân, do dân và vì dân. B. Của dân, do Đảng và vì dân.
C. Của toàn xã hội. D. Giai cấp công nhân
- Câu 15:** Quyền lực của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc về ai?
- A. Toàn bộ nhân dân lao động chân chính. B. Liên minh giai cấp công – nông.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam. D. Giai cấp cầm quyền.
- Câu 16:** Hiến pháp 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tất cả quyền lực nhà nước thuộc về ai?
- A. Nhân dân. B. Công nhân. C. Nông dân. D. Trí thức.
- Câu 17:** Về mặt tổ chức quyền lực, Hiến pháp 2013 quy định quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền
- A. lập pháp, hành pháp và tư pháp. B. lập pháp, lập hiến và lập nghiệp.
C. tự do dân chủ. D. tập trung dân chủ.
- Câu 18:** Hiến pháp 2013 khẳng định nhân dân Việt Nam thực hiện quyền lực nhà nước bằng hình thức dân chủ nào dưới đây?
- A. Trực tiếp và gián tiếp. B. Trực tiếp và áp đặt.
C. Gián tiếp và áp đặt. D. Tập trung dân chủ.
- Câu 19:** Hiến pháp 2013 quy định, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua cơ quan nào dưới đây?
- A. Quốc hội. B. Đại sứ quán. C. Đoàn thanh niên. D. Mặt trận Tổ Quốc
- Câu 20:** Chế độ chính trị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chế độ:
- A. Dân chủ chủ nô. B. Dân chủ quý tộc.
C. Dân chủ tư sản. D. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Câu 21:** Hiến pháp 2013 quy định, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua cơ quan nào dưới đây?
- A. Hội đồng nhân dân. B. Các hội đoàn thể.
C. Đoàn thanh niên. D. Hội nông dân.
- Câu 22:** Hiến pháp 2013 quy định, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo
- A. Hiến pháp và pháp luật. B. Thói quen và tập quán.
C. Phong tục và thông lệ. D. Hiến pháp và phong tục.
- Câu 23:** Hiến pháp 2013 quy định, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý xã hội bằng
- A. Hiến pháp và pháp luật. B. Thói quen và tập quán.

C. Phong tục và thông lệ.

D. Hiến pháp và phong tục.

Câu 24: Hiến pháp 2013 quy định, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng giữ vai trò như thế nào đối với Nhà nước và xã hội?

A. Lãnh đạo.

B. Quản lý.

C. Điều phối.

D. Tập hợp.

Câu 25: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng những hình thức nào?

A. Dân chủ trực tiếp

B. Dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện

C. Dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, dân chủ nghị viện

D. Dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, dân chủ nghị viện, dân chủ tuyệt đối

Câu 26: Hiến pháp 2013 quy định, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giữ vai trò như thế nào đối với xã hội?

A. Lãnh đạo.

B. Quản lý.

C. Điều phối.

D. Tập hợp.

Câu 27: Nội dung nào sau đây **không** phải là đường lối đối ngoại của nước ta theo quy định của Hiến pháp?

A. Hữu nghị, hợp tác và phát triển.

B. Đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ.

C. Chủ động và tích cực hội nhập.

D. Can thiệp vào công việc nội bộ.

Câu 28: Hành vi nào sau đây **không** thể hiện việc tuân thủ Hiến pháp về chế độ chính trị?

A. Anh D tích cực phê phán các hành vi xâm phạm biên giới quốc gia.

B. Ông M đã tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ xã.

C. Cô T thường tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

D. Bà P luôn từ chối phát biểu trong cuộc họp dân cư.

Câu 29: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại

A. lệ thuộc.

B. độc lập.

C. bá chủ.

D. bá quyền

Câu 30: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ hòa bình và

A. lạc hậu.

B. phát triển.

C. bá quyền.

D. lệ thuộc.

Câu 31: Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau là nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về

A. bản chất nhà nước.

B. hình thức nhà nước.

C. chính sách đối ngoại.

D. mục tiêu đối ngoại.

Câu 32: Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế là nội dung cơ bản của HP 2013 về

A. Đảng cộng sản Việt Nam.

B. Nhà nước XHCN Việt Nam.

C. chính sách đối ngoại.

D. chính sách xuất khẩu.

Câu 33: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, một trong những nguyên tắc cơ bản của đường lối đối ngoại của nhà nước ta là

A. độc lập và lệ thuộc.

B. bá quyền và áp đặt.

C. độc lập và tự chủ.

D. hòa bình và lệ thuộc.

Câu 34: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, một trong những nguyên tắc cơ bản của đường lối đối ngoại của nhà nước ta là

A. đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ.

B. đơn phương với chỉ các nước trong khu vực.

C. độc lập và lệ thuộc vào các nước về kinh tế.

D. hoàn toàn tách biệt về văn hóa với các nước.

Câu 35: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, một trong những nguyên tắc cơ bản của đường lối đối ngoại của nhà nước ta là

A. bình đẳng và cùng có lợi.

B. áp đặt chủ quyền lên nước nhỏ.

C. lệ thuộc vào các nước về kinh tế.

D. tách biệt về văn hóa với các nước.

Câu 36: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có

A. hình chữ nhật.

B. hình vuông.

C. hình tròn.

D. hình búa liềm

Câu 37: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình chữ nhật trong đó chiều rộng bằng

A. một phần ba chiều dài.

B. hai phần ba chiều dài.

C. ba phần ba chiều dài.

D. bốn phần ba chiều dài.

Câu 38: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nền màu

A. đỏ.

B. xanh.

C. trắng.

D. vàng

Câu 39: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nền màu đỏ, ở giữa có

A. ngôi sao vàng năm cánh.

B. ngôi sao vàng ba cánh.

C. cờ búa liềm.

D. huy hiệu Đoàn

Câu 40: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình

A. hình chữ nhật.

B. hình vuông.

C. hình tròn.

D. hình búa liềm

Câu 41: Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nền mà gì?

A. Màu vàng.

B. Màu đỏ.

C. Màu xanh.

D. Màu trắng.

Câu 42: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình tròn, nền đỏ ở giữa có

A. ngôi sao vàng năm cánh.

B. ngôi sao vàng ba cánh.

C. cờ búa liềm.

D. huy hiệu Đoàn

Câu 43: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình tròn, nền đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh xung quanh có

A. bông lúa.

B. ngôi sao vàng.

C. cờ búa liềm.

D. huy hiệu Đoàn

Câu 44: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình tròn, nền đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ

A. Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh.

B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

D. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Câu 45: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài

A. Tiến quân ca.

B. Thanh niên làm theo lời Bác.

C. Lên đảng.

D. Bác đang cùng chúng cháu hành quân.

Câu 46: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài

A. Tiến quân ca.

B. Thanh niên làm theo lời Bác.

C. Lên đảng.

D. Bác đang cùng chúng cháu hành quân.

Câu 47: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ngày tuyên ngôn Độc lập ngày

A. 2 tháng 9 năm 1945.

B. 3 tháng 9 năm 1945.

C. 19 tháng 12 năm 1945.

D. 20 tháng 12 năm 1945.

Câu 48: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. Hà Nội.

B. Hồ Chí Minh.

C. Hải Phòng.

D. Đà Nẵng.

Câu 49: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (Điều 6 Hiến pháp năm 2013). Đây là lần đầu tiên, vấn đề dân chủ trực tiếp được quy định như một nguyên tắc hiến định. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên (Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam) là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

A. Dân chủ trực tiếp là việc Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước bằng việc đi bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân.

B. Dân chủ đại diện là hình thức Nhân dân thông qua các cơ quan nhà nước, các cá nhân được Nhân dân ủy quyền để thực hiện ý chí của Nhân dân.

C. Mặt trận Tổ quốc và các thành viên là công cụ để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình đối với nhà nước.

D. Vấn đề dân chủ là vấn đề đã được Hiến pháp 2013 hiến định nên không được phép điều chỉnh nếu Hiến pháp chưa thay đổi.

Câu 10: Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?

- A. ứng cử vào Quốc hội. B. Khiếu nại với cơ quan nhà nước.
C. Tham gia quản lý nhà nước ở cơ sở. D. tự do cư trú và đi lại trong nước.

Câu 11: Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?

- A. Ứng cử vào Quốc hội. B. Khiếu nại với cơ quan nhà nước.
C. Tham gia quản lý nhà nước ở cơ sở. D. Tự do cư trú và đi lại trong nước.

Câu 12: Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?

- A. bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. B. Khiếu nại khi quyền lợi bị xâm phạm.
C. Tham gia quản lý nhà nước tại địa phương. D. lựa chọn việc làm phù hợp với năng lực.

Câu 13: Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những quyền cơ bản của công dân trên lĩnh vực chính trị là quyền

- A. biểu quyết khi nhà nước trưng cầu dân ý. B. được đảm bảo an sinh xã hội.
C. được làm việc cho bất kỳ ai. D. được sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ.

Câu 14: Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những quyền cơ bản của công dân trên lĩnh vực chính trị là quyền

- A. tự do lập hội. B. thừa kế di chúc.
C. bất khả xâm phạm thân thể. D. bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

Câu 15: Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những quyền cơ bản của công dân trên lĩnh vực chính trị là quyền

- A. bình đẳng nam nữ. B. tự do kết hôn.
C. thu nhập hợp pháp. D. bất khả xâm phạm chỗ ở.

Câu 16: Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những quyền cơ bản của công dân trên lĩnh vực chính trị là quyền

- A. tự do báo chí. B. lựa chọn nghề nghiệp.
C. bí mật thư tín. D. cư trú hợp pháp.

Câu 17: Theo quy định của Hiến pháp 2013, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân đều có quyền được

- A. ứng cử vào Hội đồng nhân dân B. pháp luật bảo hộ về tính mạng.
C. bầu cử đại biểu Quốc hội. D. tự do lập hội, tự do đi lại.

Câu 18: Theo quy định của Hiến pháp 2013, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân đều có quyền được

- A. có nơi ở hợp pháp. B. ứng cử đại biểu Quốc hội.
C. nghiên cứu khoa học. D. sáng tạo nghệ thuật

Câu 19: Theo quy định của Hiến pháp 2013, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân đều có quyền được

- A. tự do kinh doanh. B. tự do tín ngưỡng. C. khiếu nại, tố cáo. D. tự do ngôn luận.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, thành phần và địa vị xã hội, đều có quyền được

- A. tự do đi lại. B. học tập C. sáng tác văn học. D. khiếu nại tố cáo

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những nội dung cơ bản của quyền con người trên lĩnh vực

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. dân sự.

Câu 22: Công dân được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của mình là một trong những nội dung cơ bản của pháp luật về quyền con người trên lĩnh vực

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. dân sự.

Câu 23: Việc quy định công dân có quyền tự do đi lại và tự do cư trú là nội dung cơ bản của pháp luật về quyền con người trên lĩnh vực

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. dân sự.

Câu 24: Công dân được tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào là nội dung cơ bản của pháp luật về quyền con người trên lĩnh vực

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. dân sự.

Câu 25: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được sở hữu tư nhân và quyền thừa kế là nội dung cơ bản của pháp luật về quyền con người trên lĩnh vực

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. dân sự.

Câu 26: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?

- A. Khiếu nại vì đền bù chưa thỏa đáng. B. Bày tỏ ý kiến với đại biểu Quốc hội.

C. Tham gia bầu cử Quốc hội.

D. Hoàn thiện thủ tục nhận di sản thừa kế.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực dân sự?

A. Được bảo đảm an toàn thư tín, điện tín.

B. Tự do kết hôn theo luật định.

C. Quyền được bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

D. Bày tỏ ý kiến với đại biểu Quốc hội.

Câu 28: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực dân sự?

A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

B. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

C. Quyền nghiên cứu khoa học.

D. Quyền bí mật thư tín, điện tín.

Câu 29: Theo quy định của pháp luật, quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm là nội dung cơ bản của pháp luật về lĩnh vực

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. quốc phòng.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được tự do nghiên cứu khoa học và công nghệ là nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người trên lĩnh vực

A. xã hội.

B. kinh tế.

C. chính trị.

D. giáo dục.

Câu 31: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được đảm bảo an sinh xã hội là nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người trên lĩnh vực

A. xã hội.

B. kinh tế.

C. chính trị.

D. giáo dục.

Câu 32: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe là nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người trên lĩnh vực

A. xã hội.

B. kinh tế.

C. chính trị.

D. giáo dục.

Câu 33: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được làm việc, lựa chọn việc làm, lựa chọn nơi làm việc là nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người trên lĩnh vực

A. xã hội.

B. kinh tế.

C. chính trị.

D. giáo dục.

Câu 34: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi công dân theo quy định của pháp luật, khi tiến hành sản xuất kinh doanh đều phải thực hiện nghĩa vụ

A. đóng thuế.

B. tìm việc làm.

C. có nơi ở hợp pháp.

D. tự do đi lại.

Câu 35: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi công dân đều có nghĩa vụ

A. học tập.

B. tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

C. thực hiện tự do ngôn luận.

D. tiếp cận thông tin báo chí.

Câu 36: Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. bảo vệ môi trường.

B. được lựa chọn việc làm .

C. được đảm bảo an sinh xã hội.

D. được sáng tác văn học nghệ thuật.

Câu 37: Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mọi công dân theo quy định của pháp luật đều phải

A. lựa chọn nghề nghiệp.

B. trung thành với Tổ quốc .

C. đảm bảo an sinh xã hội.

D. đăng ký kết hôn.

Câu 38: Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mọi công dân theo quy định của pháp luật đều phải tham gia

A. sáng tác văn học nghệ thuật.

B. bảo vệ Tổ quốc .

C. tự do tín ngưỡng.

D. nghiên cứu khoa học.

Câu 39: Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mọi công dân theo quy định của pháp luật đều phải tham gia

A. quản lý nhà nước và xã hội.

B. xây dựng nền quốc phòng toàn dân

C. biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân.

D. sáng tác văn học, nghệ thuật.

Câu 40: Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mọi công dân theo quy định của pháp luật đều phải tham gia

A. nghĩa vụ quân sự.

B. thừa hưởng di sản thừa kế.

C. ứng cử đại biểu Quốc hội.

D. bầu cử đại biểu Quốc hội

Câu 41 Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

R

Khi nhận được tin mình có tên trong danh sách trúng tuyển nghĩa vụ đợt này, T rất vui mừng, thông báo ngay với bố mẹ và bạn bè. Ủng hộ con, bố T nói: "Con trai bố đã lớn rồi, theo bố, con nên tìm hiểu thật kĩ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia nghĩa vụ quân sự". Chỉ có mẹ, vì lo lắng và muốn con học tiếp đại học nên có vẻ không vui mừng khi nhận được thông báo của T. Thậm chí, bà còn muốn đến Ủy ban nhân dân xã để xin tạm hoãn nghĩa vụ quân sự đợt này cho T. T nói với mẹ: "Mẹ yên tâm, con học cả đời mà và con rất muốn thực hiện nghĩa vụ công dân của mình đối với đất nước. Hơn nữa, tham gia nghĩa vụ quân sự, con còn được rèn luyện, trải nghiệm và trưởng thành hơn". Thấy T quyết tâm nên mẹ đã nói: "Con cố gắng nhé, mẹ rất tin tưởng ở con!".

A. Việc công dân thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự chính là góp phần thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân trên lĩnh vực văn hóa.

B. Việc công dân phải gác việc học tập để tham gia nghĩa vụ quân sự là phản ánh việc hạn chế thực hiện quyền con người.

C. Con cái chưa trưởng thành thì bố mẹ toàn quyền quyết định việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân của con.

D. Suy nghĩ của T thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân.

NỘI DUNG HIẾN PHÁP VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, GIÁO DỤC, KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG



Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản nhằm định hướng phát triển bền vững đất nước và nâng cao đời sống Nhân dân.

<p>1. Về kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none">  Kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế.  Phát triển bền vững, công bằng xã hội.  Kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước chủ đạo.  Khuyến khích đầu tư, bảo hộ tài sản.  Đất đai, tài nguyên thuộc sở hữu toàn dân.  Ngân sách nhà nước công khai, hiệu quả. 	<p>2. Về xã hội và văn hóa</p> <p>a) Về xã hội</p> <ul style="list-style-type: none">  Phúc lợi xã hội, tạo việc làm, quan hệ lao động hài hòa.  BHYT toàn dân, ưu tiên vùng khó khăn.  Bảo hộ quyền lợi: mẹ, trẻ, người có công. <p>b) Văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none">  Văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc.  Gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.  Con người phát triển toàn diện. 	<p>3. Về giáo dục, khoa học – công nghệ và môi trường</p> <p>a) Giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none">  Giáo dục là quốc sách hàng đầu, nâng cao dân trí.  Ưu tiên đầu tư mầm non, phổ cập, vùng khó khăn. <p>b) Khoa học – công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none">  KHCCN là động lực then chốt, khuyến khích đổi mới. <p>3) Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none">  Bảo vệ môi trường bền vững, ứng phó BĐKH.  Trách nhiệm bảo vệ, xử lý nghiêm vi phạm.
---	--	--

Câu 1: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế

A. phụ thuộc vào thế giới.

B. độc lập, tự chủ.

C. tách biệt với thế giới.

D. có tính lệ thuộc cao.

Câu 2: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế nước ta là

A. dựa vào viện trợ của nước ngoài.

B. phát huy nội lực trong nước.

C. chủ yếu đi vay nợ nước ngoài.

D. khai thác cạn kiệt tài nguyên.

Câu 3: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định mô hình kinh tế của nước ta hiện nay là mô hình

A. kinh tế thị trường.

B. kinh tế tự cung tự cấp.

C. kinh tế lệ thuộc.

D. kinh tế tự nhiên.

Câu 4: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định mô hình kinh tế của nước ta hiện nay là mô hình kinh tế thị trường định hướng

A. tư bản chủ nghĩa.

B. xã hội chủ nghĩa.

C. chuyên chế tư bản.

D. cộng sản chủ nghĩa.

Câu 5: Hiến pháp 2013 khẳng định, về mặt kinh tế, nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thức thức

A. sở hữu.

B. bóc lột.

C. áp bức.

D. chiếm đoạt.

Câu 6: Hiến pháp 2013 khẳng định, về mặt kinh tế, hiện nay nước ta thực hiện nhất quán nền kinh tế thị trường với sự tồn tại của nhiều

A. thành phần kinh tế.

B. hình thức áp bức bóc lột.

C. quan hệ xã hội phức tạp.

D. hình thức viện trợ.

Câu 7: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần?

A. Kinh tế tập thể.

B. Kinh tế nhà nước.

C. Kinh tế tư nhân.

D. Kinh tế nước ngoài.

Câu 8: Hiến pháp 2013 khẳng định, trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay, các thành phần kinh tế đều

A. bình đẳng trước pháp luật.

B. bị hạn chế phát triển.

C. không có vai trò quan trọng.

D. không còn động lực phát triển.

Câu 9: Về mặt kinh tế, các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay có mối quan hệ như thế nào?

A. Hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

B. Hợp tác và tiêu diệt lẫn nhau.

C. Độc lập không liên hệ với nhau.

D. Cạnh tranh với nhau quyết liệt.

Câu 10: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản là tài sản thuộc sở hữu

A. tư nhân.

B. toàn dân.

C. tập thể.

D. công cộng.

Câu 11: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định các nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời là tài sản thuộc sở hữu

A. tư nhân.

B. toàn dân.

C. tập thể.

D. công cộng.

Câu 12: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định các tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là

A. đại diện chủ sở hữu.

B. người sản xuất kinh doanh.

C. người có nhu cầu sử dụng.

D. người kinh doanh hợp pháp.

Câu 13: Về văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định mục đích phát triển nền văn hóa ở Việt Nam là xây dựng và phát triển nền văn hóa

A. tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

B. tiên tiến và hoàn toàn mới.

C. đậm đà bản sắc quốc tế.

D. tách biệt với thế giới bên ngoài.

Câu 14: Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định cùng với việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta luôn chú trọng việc

A. nhập khẩu các nền văn hóa thế giới.

B. tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

C. du nhập và tôn thờ văn hóa bản địa

D. duy trì văn hóa của các nước phát triển.

Câu 15: Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định vai trò của việc phát triển văn học, nghệ thuật nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu

A. tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân.

B. tìm kiếm lợi nhuận từ việc xuất bản tác phẩm.

C. nâng tầm văn học nghệ thuật ra quốc tế.

D. phát triển du lịch và thu hút khách quốc tế.

Câu 16: Trên lĩnh vực văn hóa, nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Hiến pháp 2013 khẳng định nhà nước và xã hội luôn chú trọng phát triển loại hình văn hóa nào dưới đây?

A. Văn học nghệ thuật.

B. Cộng nghệ truyền hình.

C. Công nghệ điện ảnh

D. Văn hóa phương tây.

Câu 17: Trên lĩnh vực văn hóa, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, góp phần phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Hiến pháp 2013 khẳng định nhà nước và xã hội luôn chú trọng phát triển yếu tố nào dưới đây?

A. Phương tiện thông tin đại chúng.

B. Phổ biến rộng rãi mạng xã hội.

C. Nâng cấp hệ thống truyền dữ liệu.

D. Nhập khẩu văn hóa phương tây.

Câu 18: Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định mục tiêu của việc xây dựng gia đình Việt Nam đó là

A. ấm no, tiến bộ và hạnh phúc.

B. ấm no, tự do và tôn vinh người chồng.

C. ấm no, tự do và tôn vinh người vợ.

D. tiến bộ, bình đẳng và hạn chế bạo lực.

Câu 19: Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định mục tiêu của việc xây dựng con người Việt Nam đó những những công dân có

A. bạo lực.

B. ý thức hướng ngoại.

C. văn hóa.

D. thói quen ỷ nại.

Câu 20: Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định mục tiêu của việc xây dựng con người Việt Nam đó những những công dân

A. có kỹ năng làm việc nhóm.

B. giàu có về kinh tế.

C. giàu lòng yêu nước.

D. có thói quen tự lập.

Câu 21: Trên lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp 2013 khẳng định phát triển giáo dục là

A. quốc sách hàng đầu.

B. nhiệm vụ quan trọng.

C. chính sách ưu tiên.

D. nhiệm vụ thứ yếu.

Câu 22: Trên lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp 2013 khẳng định một trong những mục tiêu của phát triển giáo dục là nhằm

A. mở rộng quan hệ đối ngoại.

B. tăng thu nhập cho người dân.

C. bổ sung tiềm lực tài chính.

D. nâng cao dân trí.

Câu 23: Trên lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp 2013 khẳng định một trong những mục tiêu của phát triển giáo dục là nhằm

A. phát triển mạng xã hội.

B. phát triển nguồn nhân lực.

C. phát triển quan hệ xã hội.

D. phát triển cơ sở hạ tầng.

Câu 24: Trên lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp 2013 khẳng định một trong những mục tiêu của phát triển giáo dục là nhằm

A. bồi dưỡng nhân tài. B. đào tạo giống nòi. C. nâng cao cạnh tranh. D. tăng cường hội nhập.

Câu 25: Trên lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp 2013 khẳng định Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục trong đó bậc giáo dục tiểu học là

A. bắt buộc.

B. tự nguyện.

C. tự do.

D. cưỡng chế.

Câu 26: Trên lĩnh vực giáo dục, nhằm phát triển giáo dục đào tạo, Hiến pháp 2013 khẳng định bậc học nào dưới đây là bậc học mang tính bắt buộc ?

A. Tiểu học.

B. Mầm non.

C. Đại học.

D. Trung học.

Câu 27: Trên lĩnh vực giáo dục, nhằm phát triển giáo dục đào tạo, Hiến pháp 2013 khẳng định bậc học nào dưới đây Nhà nước không thu học phí?

A. Tiểu học.

B. Mầm non.

C. Đại học.

D. Trung học.

Câu 28: Việc làm nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo?

A. Phê phán mọi hình thức học tập.

B. Nâng cao trình độ học vấn.

C. Đổi mới phương pháp học tập.

D. Mở rộng quy mô các cấp học.

Câu 29: Đối với nước ta hiện nay, một trong những nhiệm vụ của chính sách gd và đào tạo là góp phần

A. bảo mật chương trình học.

B. định hướng đổi mới giáo dục.

C. miễn học phí toàn phần.

D. nâng cao dân trí.

Câu 30: Đối với nước ta hiện nay, một trong những nhiệm vụ của chính sách giáo dục và đào tạo là góp phần

A. đào tạo nhân lực.

B. học bất cứ nơi nào.

C. hưởng tất cả chế độ ưu đãi.

D. miễn mọi học phí học tập.

Câu 31: Đối với nước ta hiện nay, một trong những nhiệm vụ của chính sách giáo dục và đào tạo là thực hiện

A. bồi dưỡng nhân tài.

B. công bằng xã hội trong giáo dục.

C. hợp tác quốc tế về giáo dục.

D. thực hiện công bằng giáo dục

Câu 32: Giáo dục và đào tạo **không** trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Đào tạo nhân lực.

B. Phân hóa giàu nghèo.

C. Nâng cao dân trí.

D. Bồi dưỡng nhân tài.

Câu 33: Về khoa học và công nghệ, Hiến pháp năm 2013 khẳng định phát triển khoa học và công nghệ

A. việc nên làm ngay.

B. việc làm cấp bách.

C. quốc sách hàng đầu.

D. cần chú trọng đầu tư.

Câu 34: Về khoa học và công nghệ, Hiến pháp năm 2013 khẳng định phát triển khoa học và công nghệ giữ vai trò

A. động lực.

B. nền tảng.

C. then chốt.

D. quan trọng.

Câu 35: Anh T luôn đầu tư nghiên cứu, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất. Việc làm của anh T là thực hiện chính sách nào dưới đây?

A. Khoa học và công nghệ

B. Giáo dục và đào tạo

C. An ninh và quốc phòng

D. Tài nguyên và môi trường

Câu 36: Vấn đề nào sau đây được xác định là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước ?

A. Quốc phòng và an ninh.

B. Khoa học và công nghệ.

C. Văn hoá.

D. Giáo dục và đào tạo.

Câu 37: Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta coi vấn đề nào là quốc sách hàng đầu ?

A. Quốc phòng an ninh. B. Dân số. C. Văn hoá. D. Khoa học và công nghệ.

Câu 38: Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây **không** phải là quy định của Hiến pháp về khoa học, công nghệ?

- A. Khuyến khích cá nhân đầu tư nghiên cứu.
- B. Bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- C. Ưu tiên đầu tư chuyên giao thành tựu khoa học và công nghệ.
- D. Mua bán các dây chuyền khoa học đã qua sử dụng.

Câu 39: Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta?

- A. Sử dụng hợp lý tài nguyên
- B. Tăng cường nhập khẩu phế liệu.
- D. Chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên.
- B. Mở rộng mô hình du canh du cư.

Câu 40: Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta?

- A. Bảo tồn đa dạng sinh học.
- B. Khôi phục làng nghề truyền thống.
- C. Đốt rừng làm nương rẫy
- D. Mở rộng việc phủ xanh đồi trọc.

Câu 41: Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta?

- A. Nâng cao chất lượng môi trường.
- B. Xả thải trực tiếp ra môi trường.
- C. Phổ cập mô hình du canh du cư.
- D. Thu hẹp diện tích rừng để làm thủy điện.

Câu 42: Theo quy định của Hiến pháp 2013, việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường?

- A. Áp dụng mô hình đối thoại trực tuyến.
- B. Chủ động xử lí công tác truyền thông.
- C. cẩn thức đầy hiện tượng lạm phát.
- D. Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Câu 43: Theo quy định của Hiến pháp 2013, việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường?

- A. Xả thải trực tiếp ra môi trường.
- B. Phân loại rác thải tại nguồn.
- C. Buôn bán hàng kém chất lượng.
- D. Làm giả nhãn hiệu hàng hóa.

Câu 44: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế tồn tại lâu dài, là đặc trưng của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều tự chủ, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Các thành phần kinh tế có vị trí, vai trò, chức năng khác nhau trong chính thể nền kinh tế: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

A. Việc Hiến pháp quy định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

B. Việc quy định thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là thể hiện sự ưu tiên đối với thành phần kinh tế này, làm giảm khả năng cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế.

C. Kinh tế thị trường phát triển sẽ tiến tới xóa bỏ các thành phần kinh tế khác chỉ còn kinh tế nhà nước là chủ thể kinh tế duy nhất.

D. Hiến pháp là cơ sở pháp lý để các thành phần kinh tế cùng hợp tác và phát triển hướng tới mục tiêu chung.



- Câu 1:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, cơ quan thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp là
A. Quốc Hội. B. Chủ tịch nước. C. Chính phủ D. Chủ tịch nước.
- Câu 2:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Nhà nước Việt Nam là
A. Đảng Cộng sản. B. Quốc hội. C. Chính phủ. D. Mặt trận tổ quốc Việt Nam
- Câu 3:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là
A. Chủ tịch nước. B. Quốc hội. C. Chính phủ. D. Đoàn thanh niên
- Câu 4:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng nào dưới đây?
A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Kiểm sát.
- Câu 5:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, cơ quan nào ở nước ta thực hiện quyền tư pháp?
A. Quốc Hội B. Tòa án nhân dân C. Ủy ban nhân dân D. Thủ tướng chính phủ
- Câu 6:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước ta và thực hiện quyền
A. Tư pháp B. Lập pháp C. Hành pháp D. Chỉ để xử lý dân sự
- Câu 7:** Việc các cơ quan tư pháp thay mặt nhà nước tiến hành việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?
A. Thực hành quyền công tố. B. Thực hành quyền công khai. C. Thực hành ý chí người đứng đầu. D. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
- Câu 8:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, thực hành quyền công tố trong thi hành pháp luật là hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?
A. Chủ tịch nước. B. Chính phủ. C. Tòa án nhân dân. D. Viện kiểm sát nhân dân.
- Câu 9:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng nhân dân là
A. cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. B. cơ quan lãnh đạo ở địa phương. C. cơ quan hành chính ở địa phương. D. cơ quan giám sát ở địa phương.
- Câu 10:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng nhân dân được thành lập thông qua
A. bầu cử, ứng cử. B. mệnh lệnh cấp trên. C. phân bổ quyền lực. D. đặc trưng vùng miền.
- Câu 11:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và
A. lãnh đạo địa phương. B. cơ quan cấp trên.

- C. người đứng đầu địa phương. D. đoàn thể ở địa phương
- Câu 12:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?
- A. Phát triển kinh tế - xã hội. B. Đảm bảo an ninh – trật tự.
C. Chia tách địa giới hành chính. D. Công tác an sinh xã hội.
- Câu 13:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, cơ quan thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân là
- A. Hội đồng nhân dân. B. Ủy ban nhân dân.
C. Đoàn thanh niên. D. Thường trực hội đồng nhân dân
- Câu 14:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, cơ quan có chức năng tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương là
- A. Viện kiểm sát nhân dân. B. Tòa án nhân dân.
C. Ủy Ban nhân dân. D. Hội đồng nhân dân.
- Câu 15:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ
- A. thành lập chính phủ mới. B. thực hiện quyền công tố.
C. tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội. D. thực hiện quyền giám sát tối cao.
- Câu 16:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ chỉ đạo việc
- A. giám sát hoạt động tư pháp. B. thực hiện quyền hành pháp.
C. bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. D. thực hiện quyền tư pháp.
- Câu 17:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử quốc gia là hướng dẫn công tác
- A. cải cách hành chính. B. sửa đổi Điều lệ Đảng.
C. thành lập chính phủ mới. D. bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
- Câu 18:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, Hội đồng bầu cử quốc gia **không** thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?
- A. Giám sát bầu cử đại biểu Quốc hội. B. Hướng dẫn bầu cử Hội đồng nhân dân.
C. Kiện toàn các chức danh của Quốc hội. D. Kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội.
- Câu 19:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước đó là thực hiện kiểm toán việc quản lý sử dụng
- A. tài chính công B. nhân sự cấp cao. C. tài sản cá nhân. D. tài sản nước ngoài.
- Câu 20:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước đó là thực hiện kiểm toán việc quản lý sử dụng
- A. quyền tư pháp B. quyền lập pháp. C. tài sản công. D. tài sản viện trợ.
- Câu 21:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Kiểm toán nhà nước hoạt động một cách
- A. độc lập. B. lệ thuộc. C. chi phối. D. mệnh lệnh.
- Câu 22:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Kiểm toán nhà nước hoạt động một cách độc lập và chỉ
- A. tuân theo cấp trên. B. dựa vào lợi ích nhóm.
C. tuân theo pháp luật. D. dựa vào lợi ích cá nhân.
- Câu 23: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện năm 2023; tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; định hướng các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024 đối với các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn huyện. Chiều ngày 03 tháng 01 năm 2024 Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh tổ chức hội nghị triển khai Nghị quyết của HĐND huyện về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

- A. Hội đồng nhân dân huyện là cơ quan chấp hành của ủy ban nhân dân huyện.
B. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện là văn bản quy phạm pháp luật.
C. Hội đồng nhân dân là cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước các vấn đề ở địa phương.
D. Ủy ban nhân dân huyện là cơ quan thực thi nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân huyện.

ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM



1. Khái niệm & Cấu trúc



Khái niệm Hệ thống chính trị Việt Nam

Chinh thể các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội nhằm tác động, điều chỉnh xã hội, củng cố chế độ, bảo đảm lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc.



Cấu trúc Hệ thống chính trị

Gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Các tổ chức chính trị - xã hội thành viên (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội LHPN Việt Nam, Tổng LĐLĐ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).



Đặc điểm cấu trúc nền tảng

Dựa trên liên minh công nhân - nông dân - trí thức; Hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng; Nhằm bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân

3. Nguyên tắc hoạt động & Vai trò



Nguyên tắc tổ chức và hoạt động



Sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng (Đề ra Cương lĩnh, đường lối, chiến lược).



Quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân (Thực hiện qua Dân chủ trực tiếp, Dân chủ đại diện).



Nguyên tắc tập trung dân chủ (Trong Đảng: tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách; Trong Nhà nước: kết hợp tập trung và dân chủ; Trong MTTQ: hiệp thương dân chủ).



Nguyên tắc pháp quyền (Mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật).



Vai trò và mối quan hệ

Đảng: lãnh đạo. Nhà nước: quản lý. MTTQ & các tổ chức: đại đoàn kết, giám sát, phản biện. Mối quan hệ cốt lõi: Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ (thông qua MTTQ và các đoàn thể).

2. Đặc điểm



Đặc điểm của Hệ thống chính trị Việt Nam



Ra đời cùng Nhà nước VNDCCH (2/9/1945).



Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng.



Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam.



Tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.



Bảo đảm thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc rộng rãi.



Hệ thống thống nhất, tập trung quyền lực, quyền lực nguồn gốc từ Nhân dân và được Nhân dân ủy quyền cho Nhà nước.

4. Trách nhiệm công dân



Trách nhiệm công dân (Phê phán - Ủng hộ)

a) Hành vi cần phê phán



Xuỳn tạc sự thật.



Lợi dụng chức vụ, quyền hạn.



Tung tin giả, gây hoang mang xã hội.



Hậu quả: Mất niềm tin, mất trật tự xã hội, bị xử lý theo pháp luật.

b) Hành vi cần ủng hộ, phát huy



Tham gia hoạt động dân chủ phù hợp lứa tuổi.



Chấp hành pháp luật.



Đóng góp ý kiến xây dựng cơ quan nhà nước.



Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.



Câu 1: Công dân vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị thông qua việc làm nào dưới đây?

- A. Tham khảo dịch vụ trực tuyến.
- C. Đăng ký hiến máu nhân đạo.

- B. Đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật.
- D. khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Câu 2: Trong hệ thống chính trị Việt Nam, mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành được xác lập theo cơ chế nào dưới đây?

- A. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ.
- B. Đảng tổ chức, Nhà nước thực hiện, nhân dân giám sát.
- C. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.
- D. Dân biết, dân hỏi, dân làm, dân kiểm tra.

Câu 3: Trong hệ thống chính trị Việt Nam, tổ chức nào dưới đây thực hiện chức năng quản lý mọi hoạt động của đời sống xã hội?

- A. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- C. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- D. Công đoàn Việt Nam.

Câu 4: Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức giữ vai trò

- A. lãnh đạo của cả hệ thống chính trị.
- B. quản lý nhà nước và xã hội.
- C. thực hiện chức năng tư pháp.
- D. thực hiện chức năng hành pháp.

Câu 5: Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thể thống nhất không bao gồm tổ chức nào dưới đây?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.
- D. Tổ chức hữu nghị quốc tế và đại sứ quán các nước.

Câu 6: Một trong những đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam đó là

- A. Nhà nước lãnh đạo.
- B. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- C. Mặt trận tổ quốc lãnh đạo.
- D. các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo

Câu 7: Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để

- A. quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.
- B. lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội.
- C. tập hợp khối đoàn kết toàn dân tộc.
- D. chăm lo lợi ích của các tầng lớp xã hội.

Câu 8: Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là các cơ quan, tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của các đoàn viên, hội viên nhằm thực hiện mục tiêu

- A. lãnh đạo nhà nước.
- B. lãnh đạo Đảng Cộng sản.
- C. đoàn kết toàn dân.
- D. đoàn kết quốc tế.

Câu 9: Một trong những đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất cả các cơ quan, tổ chức có mối quan hệ thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức, do

- A. Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- B. Đảng cộng sản Việt Nam cấp kinh phí.
- C. Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam lãnh đạo.
- D. Các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo.

Câu 10: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- B. Tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
- C. Mang bản chất của giai cấp công nhân.
- D. Mang bản chất tư bản chủ nghĩa.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ
- B. Dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- C. Mang tính nhân dân và tính dân tộc.
- D. Mang tính quốc tế rộng rãi.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây không phải là nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- B. Đảm bảo tính pháp quyền.
- C. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.
- D. Phân chia và tam quyền phân lập.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây không phải là nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Lãnh đạo tập thể.
- B. Cá nhân phụ trách.
- C. Mang tính pháp quyền.
- D. Mang tính tập thể.

Câu 14: Trong tổ chức, hệ thống chính trị nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động dựa trên nguyên tắc

- A. đảm bảo tính pháp quyền.
- B. phổ thông, đầu phiếu.
- C. tự do, tự nguyện.
- D. bình đẳng và tập trung.

Câu 15: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Tích cực tham gia bầu cử.
- B. Gian lận trong bầu cử.
- C. Chia sẻ thông tin sai lệch.
- D. Bao che người vi phạm

Câu 16: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Tham khảo dịch vụ trực tuyến.
- B. Đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật.
- C. Đăng ký hiến máu nhân đạo.
- D. khám tuyến nghĩa vụ quân sự.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, việc ủy ban nhân dân xã Y tổ chức lấy ý kiến của người dân về kế hoạch lắp đặt hệ thống loa phát thanh ở địa phương là thực hiện tốt nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Đảm bảo tính pháp quyền.
- B. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- C. Đảm bảo tập trung dân chủ.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Câu 18: Người nào dưới đây đang công tác trong tổ chức chính trị - xã hội của hệ thống chính trị Việt Nam?

- A. Chị M là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ của huyện X.
- B. Anh K là Chủ nhiệm câu lạc bộ nghệ thuật phường Y.
- C. Bà N là thành viên của đội văn nghệ Hoà Mi thuộc xã Z.
- D. Ông T là chủ trang trại nuôi tôm thẻ trắng ở thôn V.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam?

- A. Tính vừa sức.
- B. Tính đa đảng.
- C. Tính thống nhất.
- D. Tính nhân dân.

Câu 20: Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc đảm bảo

- A. đa nguyên đa đảng.
- B. đa đảng đối lập.
- C. quyền lực thuộc về nhân dân
- D. quyền lực phân chia các tầng lớp

Câu 21: Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tính

- A. pháp quyền.
- B. đa đảng.
- C. tự phát.
- D. quốc tế.

Câu 22: Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. tập trung dân chủ.
- B. tập quyền phân lập.
- C. cá nhân tập quyền.
- D. pháp quyền phân lập.

Câu 23: Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. tập trung dân chủ.
- B. tập quyền phân lập.
- C. cá nhân tập quyền.
- D. pháp quyền phân lập.

Câu 24: Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đảm bảo sự

- A. lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- B. phân chia công bằng quyền lực.
- C. phân chia rõ ràng lợi ích.
- D. công bằng về lợi ích.

Câu 25: Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở việc Đảng giữ vai trò như thế nào đối với hệ thống chính trị?

- A. Lãnh đạo.
- B. Quản lý.
- C. Tập hợp.
- D. Đoàn kết

Câu 26: Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của hệ thống chính trị, đồng thời cũng là tổ chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội, sự lãnh đạo của Đảng được biểu hiện qua

- A. mệnh lệnh và chuyên quyền.
- B. chủ trương và nghị quyết.
- C. mệnh lệnh hành chính.
- D. quyền lực của cán bộ

Câu 27: Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của hệ thống chính trị, đồng thời cũng là tổ chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội, sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện bằng

- A. công tác tư tưởng chính trị.
- B. công tác mệnh lệnh.
- C. áp đặt và chuyên quyền.
- D. kỷ luật và dung hòa.

Câu 28: Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của hệ thống chính trị, đồng thời cũng là tổ chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội, sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện bằng

- A. công tác tổ chức, cán bộ
- B. pháp luật và kỷ luật.
- C. mệnh lệnh hành chính.
- D. ngân sách nhà nước.

Câu 29: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam biểu hiện ở việc nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua cơ quan, tổ chức nào dưới đây?

- A. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. D. Mặt trận tổ quốc và các thành viên.

Câu 30: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam biểu hiện ở việc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về

- A. Nhân dân. B. Nhà nước. C. Chính quyền. D. Trí thức.

Câu 31: Theo yêu cầu của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị thì những vấn đề trọng đại của đất nước trước khi quyết định phải

- A. lấy ý kiến nhân dân B. thông báo với thế giới.
C. thông báo cho dân biết. D. bí mật không công khai

Câu 32: Theo yêu cầu của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị thì những vấn đề trọng đại của đất nước trước phải do

- A. nhân dân trực tiếp quyết định. B. cơ quan đối ngoại quyết định.
C. chủ tịch nước quyết định. D. Tổng bí thư quyết định

Câu 33: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, đòi hỏi các đại biểu dân cử thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước phải

- A. liên hệ chặt chẽ với nhân dân. B. không được lắng nghe nhân dân.
C. độc lập, xa cách với nhân dân. D. lợi dụng tiếng nói của nhân dân.

Câu 34: Trong hệ thống chính trị nước ta, nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước

- A. của dân, do dân và vì dân. B. của dân, nơi dân và nhà nước.
C. của Đảng Cộng sản Việt Nam. D. của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Câu 35: Tập trung dân chủ là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, nguyên tắc này yêu cầu khi quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước được thực hiện theo nguyên tắc

- A. tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. B. người đứng đầu toàn quyền quyết định.
C. tập thể lãnh đạo và phụ trách. D. tập thể phụ trách cá nhân lãnh đạo

Câu 36: Việc làm nào dưới đây của học sinh trung học phổ thông là biểu hiện của việc thực hiện nghĩa vụ công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị?

- A. Góp ý cho dự thảo Báo cáo tổng kết công tác Đoàn Thanh niên.
B. Phổ biến quy định về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.
C. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về việc sửa đổi văn bản pháp luật.
D. Triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội Nông dân nhiệm kỳ mới.

Câu 37: Việc làm nào dưới đây dưới đây là biểu hiện của việc thực hiện nghĩa vụ công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị?

- A. Chị M tố cáo hành vi chống phá Đảng và Nhà nước.
B. Ông D khiếu nại về quyết định xử phạt của cảnh sát giao thông.
C. Anh P đầu tư vốn và công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất.
D. Cô N biên soạn tài liệu chuyên đổi kĩ thuật số cho học sinh.

Câu 38: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Xã A có nhiều hộ dân là đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng bộ xã đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong xã. Nghị quyết đầy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện xoá đói giảm nghèo của Đại hội Đảng bộ xã được các chi bộ quán triệt đến từng đảng viên. Đảng bộ xã chỉ đạo các cấp chính quyền và các đoàn thể trong xã phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi. Thông qua việc lựa chọn các đảng viên có phẩm chất, năng lực tốt tham gia đảm trách những chức vụ quan trọng trong các cơ quan, đoàn thể của xã, Đảng bộ xã không chỉ thể hiện vai trò lãnh đạo trong công tác tổ chức cán bộ mà còn kiểm tra, giám sát sự hoạt động của hệ thống chính trị thông qua việc quản lý đội ngũ lãnh đạo của các tổ chức này.

Câu 1: Thông qua việc lựa chọn các đảng viên có phẩm chất, năng lực tốt tham gia đảm trách những chức vụ quan trọng trong các cơ quan, đoàn thể của xã đã thể hiện vai trò nào dưới đây của Đảng trong hệ thống chính trị

- A. Quản lý xã hội. B. Lãnh đạo xã hội.
C. Đoàn kết toàn dân. D. Tham mưu, quản lý.

Câu 2: Hãy chỉ ra cấu trúc của hệ thống chính trị được đề cập trong thông tin trên?

- A. Đảng bộ xã, chính quyền và các đoàn thể. B. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số.
C. Đảng bộ xã và các đảng viên. D. Chính quyền và các đoàn thể trong xã.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò lãnh đạo của đảng trong hệ thống chính trị được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

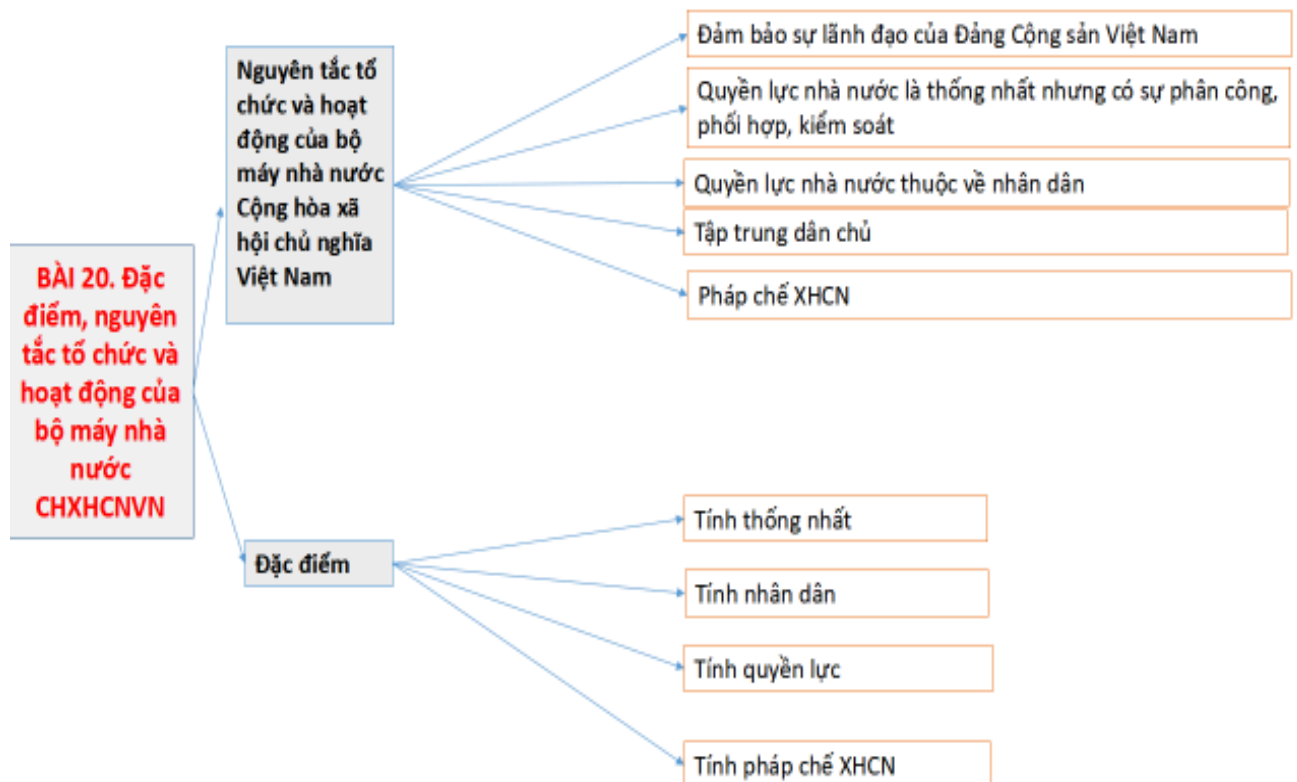
- A. Ban hành nghị quyết xóa đói giảm nghèo.
- B. Chỉ đạo chính quyền hướng dẫn nhân dân.
- C. Chỉ đạo các đoàn thể làm công tác tuyên truyền.
- D. Nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu vật nuôi.

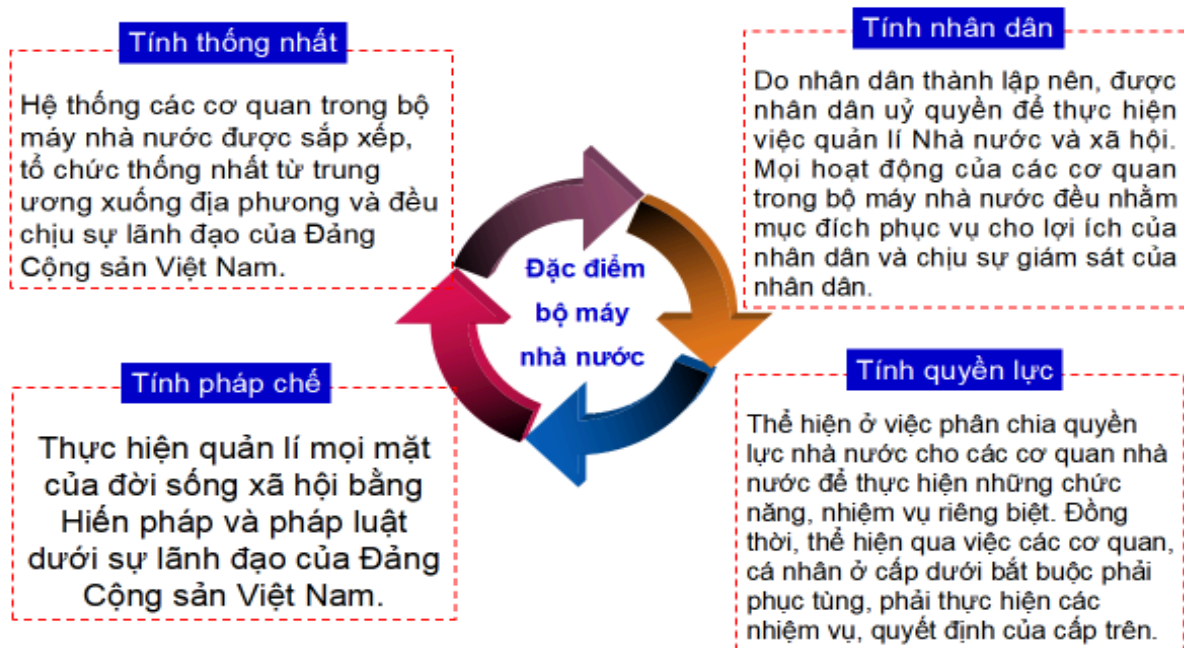
Câu 39: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Điều 8 Hiến pháp năm 2013 có ghi nhận: "1. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; 2.

Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền."

- A. Quản lý xã hội bằng pháp luật là thể hiện nguyên tắc pháp chế.
- B. Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức duy nhất của hệ thống chính trị.
- C. Đấu tranh chống tham nhũng sẽ làm hệ thống chính trị vững mạnh.
- D. Công chức, viên chức không phải là thành phần trong hệ thống chính trị.





Câu 1: Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

- A. Quốc hội.
- B. Chủ tịch nước.
- C. Chính phủ.
- D. Bí thư đoàn thanh niên.

Câu 2: Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

- A. Quốc hội.
- B. Chủ tịch nước.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Hội thẩm nhân dân.

Câu 3: Xét về mặt cơ cấu tổ chức, Quốc hội là một trong những cơ quan trong

- A. Bộ máy nhà nước.
- B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Tổ chức chính trị - xã hội.
- D. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

Câu 4: Xét về mặt cơ cấu tổ chức, Chủ tịch nước là một trong những cơ quan thuộc

- A. chính phủ.
- B. bộ máy nhà nước.
- C. Mặt trận tổ quốc.
- D. tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

Câu 5: Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

không bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

A. Kiểm toán nhà nước.

B. Hội đồng bầu cử quốc gia.

C. Chính quyền địa phương.

D. Hội nông dân Việt Nam.

Câu 6: Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

A. Tòa án nhân dân.

B. Viện kiểm sát nhân dân.

C. Hội thẩm nhân dân.

D. Hội đồng bầu cử quốc gia

Câu 7: Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

B. đảm bảo sự lãnh đạo của nhà nước.

C. Đoàn thanh niên lãnh đạo xã hội.

D. Mặt trận lãnh đạo toàn thể xã hội.

Câu 8: Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc

A. tập trung dân chủ.

B. tập trung quan liêu.

C. dân chủ và tự do.

D. dân chủ và thói quen.

Câu 9: Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc

A. quyền lực thuộc về đám đông.

B. quyền lực thuộc về nhân dân.

C. quyền lực thuộc về công nhân.

D. quyền lực thuộc về nông dân.

Câu 10: Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc

A. pháp chế xã hội chủ nghĩa.

B. dân chủ tư sản.

C. pháp chế tư sản.

D. dân chủ và quan liêu.

Câu 11: Điều **không** phải là nguyên tắc chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Tập trung dân chủ.

B. Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

C. Đảng lãnh đạo nhà nước.

D. Đảng quản lý toàn xã hội.

Câu 12: Điều **không** phải là nguyên tắc chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Thống nhất và kiểm soát quyền lực.

B. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

C. Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội.

D. Quản lý xã hội bằng vận động tuyên truyền.

Câu 13: Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng với trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước là một nguyên tắc

A. Hiến định.

B. tự do.

C. tự quyết.

D. bất biến

Câu 14: Đảng lãnh đạo bộ máy nhà nước thông qua việc Đảng

A. đề ra đường lối chính sách.

B. làm thay công việc của nhà nước.

C. toàn quyền quyết định nhà nước.

D. cấp ngân sách cho bộ máy nhà nước

Câu 15: Đảng lãnh đạo bộ máy nhà nước thông qua việc Đảng

A. chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát.

B. bổ nhiệm, cấp tài chính và động viên.

C. chỉ đạo và chủ động làm thay nhà nước.

D. giám sát và sử dụng uy quyền của mình

Câu 16: Việc Đảng tiến hành đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nhân sự vào các vị quan trọng trong bộ máy nhà nước là phản ánh nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của nhà nước?

A. Tập trung dân chủ.

B. Pháp chế XHCN.

C. Phân chia quyền lực.

D. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 17: Đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, Đảng đề ra đường lối chủ trương, phương hướng lớn cho nhà nước là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của nhà nước?

A. Quyền lực thuộc về nhân dân.

B. Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

C. Vận động tuyên truyền.

D. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 18: Đảng giới thiệu các cán bộ công chức ưu tú để nhân dân xem xét và bầu vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước là thể hiện nguyên tắc

A. đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

B. bầu cử có chỉ định.

C. dân chủ và tập trung.

D. phân cấp và phân chia quyền lực.

Câu 19: Chủ thể duy nhất và tối cao đối với Nhà nước cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. nhân dân.

B. Đảng cộng sản.

C. Mặt trận Tổ quốc.

D. Đoàn thanh niên.

Câu 20: Quyền lực nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là nhân dân thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của nhà nước?

A. Tính thống nhất.

B. Tính phân chia.

C. Tính Đảng.

D. Tính quyền lực

Câu 21: Đối với bộ máy nhà nước ta, quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và

- A. đa đảng phái. B. tư pháp. C. đa pháp. D. nhất nguyên

Câu 22: Mặc dù trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước Việt Nam, quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp song tất cả các cơ quan thực hiện đều đảm bảo mục tiêu chung là

- A. phục vụ nhân dân. B. đàn áp nhân dân. C. tự do nhân quyền. D. tự do chính trị

Câu 23: Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân là thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của nhà nước?

- A. Tính thống nhất trong tổ chức. B. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.
C. Tập trung dân chủ. D. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Câu 24: Theo yêu cầu của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân thì nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và

- A. vì dân. B. xa dân. C. yêu dân. D. lợi dân.

Câu 25: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là cơ sở để hình thành bộ máy nhà nước và khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập ra

- A. Nhà nước. B. Mặt trận. C. Đảng đoàn. D. Tôn giáo.

Câu 26: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là cơ sở để hình thành bộ máy nhà nước và khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập và trao cho nhà nước yếu tố nào dưới đây?

- A. Ngân sách. B. Quyền lực. C. Quân đội. D. Công an.

Câu 27: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đòi hỏi các cơ quan, cán bộ, công chức viên chức trong bộ máy nhà nước phải đặt dưới sự

- A. chỉ huy của nhân dân. B. giám sát của nhân dân.
C. ủy quyền của nhân dân. D. chỉ định của nhân dân.

Câu 28: Việc nhân dân tham gia giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. B. Tính thống nhất trong tổ chức.
C. Tập trung dân chủ. D. Quyền lực thuộc về nhân dân.

Câu 29: Một trong những biểu hiện của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của nhà nước thể hiện ở việc nhân dân có quyền như thế nào đối với hoạt động của bộ máy nhà nước?

- A. Giám sát, kiểm tra. B. Buộc tội và truy tố.
C. Khởi tố và điều tra. D. Kiểm tra và truy tố.

Câu 30: Một trong những biểu hiện của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của nhà nước thể hiện ở việc cán bộ công chức viên chức trong bộ máy nhà nước phải

- A. giữ mối liên hệ với nhân dân. B. giữ khoảng cách với nhân dân.
C. hạn chế tiếp xúc với nhân dân. D. quan liêu, cửa quyền khi làm việc.

Câu 31: Bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trong sự kết giữa các yếu tố nào dưới đây?

- A. Quyền lực và đàn áp. B. Thống trị và bị trị.
C. Tập trung và dân chủ. D. Dân chủ và quan liêu.

Câu 32: Việc kết hợp giữa bầu cử để lựa chọn nhân sự vào bộ máy nhà nước với việc bổ nhiệm những người có uy tín giữ vị trí trong bộ máy nhà nước là phản ánh nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. B. Tính thống nhất trong tổ chức.
C. Tập trung dân chủ. D. Quyền lực thuộc về nhân dân.

Câu 33: Cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phản ánh nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Pháp chế xã hội chủ nghĩa. B. Tập trung dân chủ.
C. Dân chủ đại diện. D. Đảng lãnh đạo

Câu 34: Nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đòi hỏi các cơ quan trong bộ máy nhà nước phải phát huy tốt quy chế dân chủ thực hiện tốt cơ chế

- A. thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số.
B. thảo luận dân chủ, người đứng đầu quyết định.
C. quyết định mọi việc do người đứng đầu. D. mọi việc do tập thể chịu trách nhiệm.

Câu 35: Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo

- A. ý chí và nguyện vọng của Đảng. B. Hiến pháp và pháp luật.

C. Hiến pháp và ý chí người đứng đầu.

D. thông lệ quốc tế

Câu 36: Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng

A. giáo dục

B. tuyên truyền

C. pháp luật.

D. tôn giáo

Câu 36: Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định cụ thể bằng

A. kế ước.

B. tập quán.

C. thói quen.

D. Luật

Câu 37: Quyền lực nhà nước được phân chia thành các quyền nào sau đây?

A. quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

B. quyền lập pháp, hành pháp, công tố

C. quyền lập pháp, luật pháp, tư pháp

D. quyền lập pháp, tư pháp

Câu 38: iệc phân chia quyền lực giữa cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ riêng biệt là thể hiện đặc điểm nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước?

A. Tính nhân dân.

B. Tính thống nhất.

C. Tính đa dạng.

D. Tính quyền lực.

Câu 39: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở quyền lực do nhân dân uỷ quyền. Các cơ quan, cán bộ nhà nước thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực, nhằm chăm lo, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Cán bộ, công chức phải gắn bó, lắng nghe, chịu sự giám sát của nhân dân và có thể bị bãi nhiệm khi không còn được tín nhiệm. Quyền lực nhà nước thống nhất, có phân công, phối hợp giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.

Câu 1: Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

A. Các nhân viên nhà nước nhận quyền lực từ nhân dân.

B. Mọi hoạt động của nhà nước do Đảng lãnh đạo.

C. Mọi hoạt động của nhà nước phải tuân thủ pháp luật.

D. Cơ quan nhà nước giữ mối liên hệ với nhân dân.

Câu 2: Mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước?

A. Nguyên tắc pháp chế.

B. Nguyên tắc tập trung dân chủ.

C. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo.

D. Nguyên tắc thống nhất.

Câu 3: Việc nhân dân trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước thông qua việc thực hiện quyền bầu cử là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của Bộ máy nhà nước?

A. Tính pháp chế.

B. Tính bình đẳng.

C. Tính thống nhất.

D. Tính nhân dân.

Câu 4: Trong mối quan hệ với nhân dân, việc làm nào dưới đây bị nghiêm cấm đối với cán bộ công chức nhà nước?

A. Giữ mối liên hệ với nhân dân.

B. Lắng nghe ý kiến của nhân dân.

C. Chịu sự giám sát của nhân dân.

D. Gây khó khăn, phiền hà cho dân.

Câu 40: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở sự uỷ quyền của nhân dân. Các cơ quan và cán bộ nhà nước nhận quyền lực từ nhân dân, thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực vì lợi ích chung. Mọi hoạt động của bộ máy nhà nước đều hướng tới chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Cán bộ, công chức có trách nhiệm phục vụ nhân dân, giữ mối liên hệ chặt chẽ, chịu sự giám sát và có thể bị bãi nhiệm khi không còn được tín nhiệm. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.

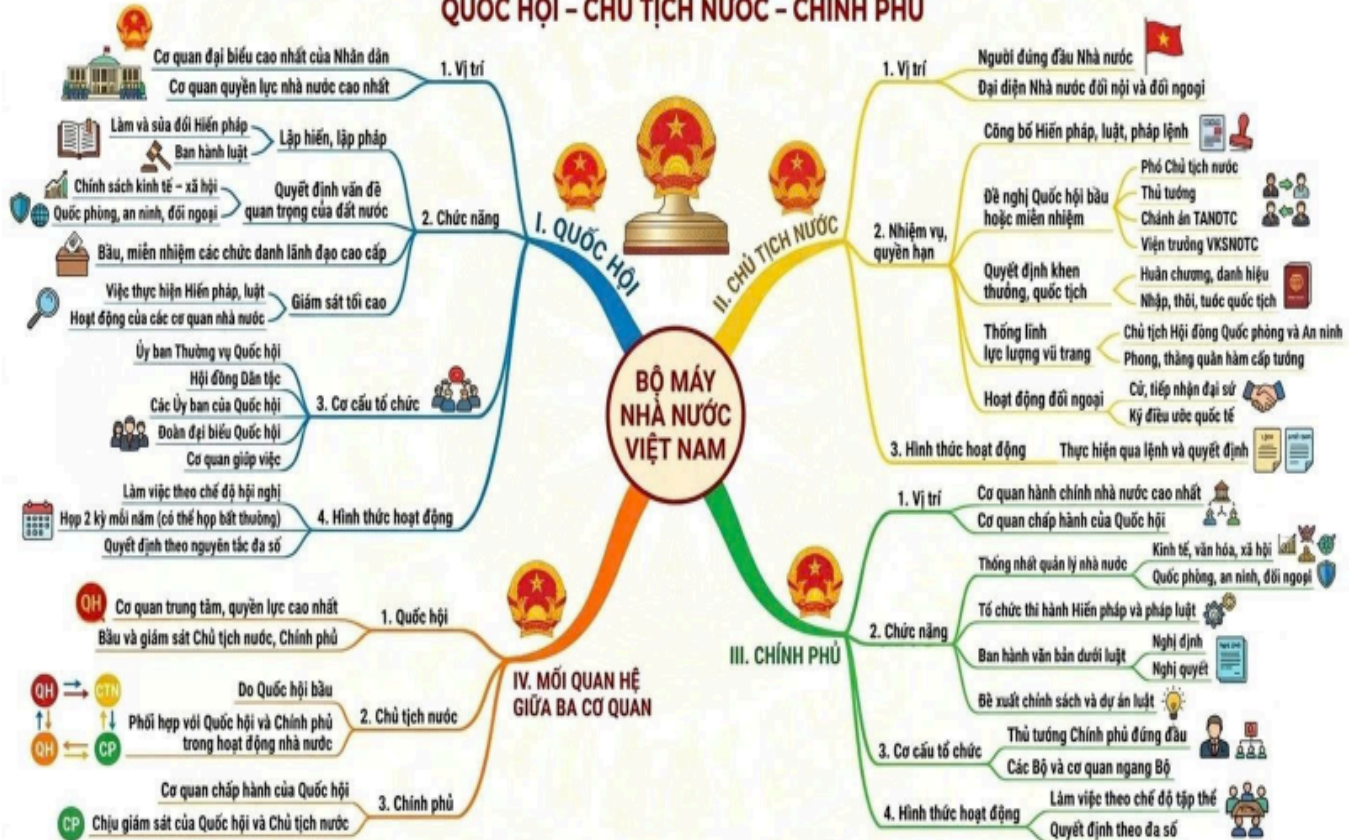
A. Tính thống nhất là đặc điểm duy nhất của Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Hoạt động của Bộ máy nhà nước hướng tới việc chăm lo lợi ích cho nhân dân là thể hiện tính nhân dân trong tổ chức và hoạt động.

C. Cơ quan đại diện cho nhân dân được tổ chức và hoạt động ở tất cả các địa phương.

D. Tổ chức Bộ máy nhà nước được thành lập ở một số nơi có điều kiện kinh tế xã hội phát triển.

CÁC CƠ QUAN TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: QUỐC HỘI - CHỦ TỊCH NƯỚC - CHÍNH PHỦ



Câu 1: Cơ quan nào thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp

- A. Quốc Hội. B. Chủ tịch nước. C. Chính phủ. D. Chủ tịch nước.

Câu 2: Cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Nhà nước Việt Nam là

- A. Đảng Cộng sản. B. Quốc hội. C. Chính phủ. D. Mặt trận tổ quốc Việt Nam

Câu 3: Cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước là

- A. Quốc hội. B. Ủy ban nhân dân. C. Đoàn Thanh niên. D. Mặt trận tổ quốc.

Câu 4: Quyền làm Hiến pháp bao gồm có sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Lập hiến. B. Lập pháp. C. Giám sát. D. Dung hòa

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, việc Quốc hội tiến hành làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản áp dụng pháp luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Lập hiến. B. Lập pháp. C. Giám sát. D. Dung hòa

Câu 6: Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi bổ sung Hiến Pháp, thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Lập hiến, lập pháp. B. Giám sát tối cao. C. Quyết định vấn đề quan trọng. D. Quản lý mọi mặt đời sống.

Câu 7: Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Giám sát tối cao. B. Ban hành và sửa đổi luật. C. Quyết định các vấn đề quan trọng. D. Quản lý nhà nước và xã hội.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, Quốc hội quyết định nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước; xây dựng, củng cố và phát triển bộ máy nhà nước là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Giám sát tối cao. B. Ban hành và sửa đổi luật. C. Quyết định các vấn đề quan trọng. D. Quản lý nhà nước và xã hội.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

- A. Bí thư Đoàn Thanh Niên. B. Tổng bí thư.

C. Chủ tịch Đảng.

D. Chủ tịch Nước

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

A. Ban chấp hành Đoàn.

B. Ủy ban thường vụ quốc hội.

C. Ủy ban chứng khoán nhà nước.

D. Ban tổ chức Trung ương.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

A. Chính phủ.

B. Tổng bí thư.

C. Chủ tịch Đảng.

D. Chủ tịch tỉnh.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

A. Tòa án nhân dân tối cao.

B. Tòa án nhân dân tỉnh.

C. Tòa án nhân dân huyện.

D. Tòa án nhân dân xã

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

A. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

B. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

C. Viện Kiểm sát nhân dân huyện.

D. Viện Kiểm sát nhân dân xã.

Câu 14: Cơ quan thường trực của Quốc hội là:

A. Chính phủ

B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

C. Hội đồng nhân dân các cấp.

D. Ủy ban nhân dân các cấp.

Câu 15: Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ cấu tổ chức của Quốc hội không bao gồm chủ thể nào dưới đây?

A. Ủy ban thường vụ Quốc hội.

B. Hội đồng Dân tộc.

C. Ủy ban của quốc hội.

D. Đại biểu Quốc hội

Câu 16: Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội sẽ đồng thời là

A. Phó chủ tịch Quốc hội.

B. Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội

C. Chủ tịch nước.

D. Chủ nhiệm các ủy ban

Câu 17: Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ quan nào dưới đây được gọi là cơ quan các cơ quan chuyên môn của Quốc hội

A. Ban tổ chức Trung ương.

B. Chủ nhiệm văn phòng chính phủ.

C. Văn phòng Quốc hội.

D. Đại biểu Quốc hội

Câu 18: Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ quan nào dưới đây được gọi là cơ quan các cơ quan chuyên môn của Quốc hội?

A. Bộ giáo dục và đào tạo.

B. Văn phòng chính phủ.

C. Ủy ban văn hóa, giáo dục.

D. Ủy ban liên hiệp Thanh niên

Câu 19: Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ quan nào dưới đây được gọi là cơ quan các cơ quan chuyên môn của Quốc hội?

A. Bộ quốc phòng.

B. Văn phòng Trung ương Đảng.

C. Ủy ban quốc phòng – an ninh.

D. Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài

Câu 20: Chủ tịch Quốc hội là người được bầu ra từ các

A. Đại biểu quốc hội.

B. Đại hội Đảng.

C. Địa phương giới thiệu.

D. Ủy ban của Quốc hội.

Câu 21: Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ quan nào dưới đây được gọi là cơ quan các cơ quan chuyên môn của Quốc hội?

A. Bộ văn hóa thông tin.

B. Sở văn hóa thể thao.

C. Ủy ban văn hóa, giáo dục.

D. Ban tôn giáo chính phủ

Câu 22: Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ quan nào dưới đây được gọi là cơ quan các cơ quan chuyên môn của Quốc hội?

A. Ban tôn giáo chính phủ

B. Văn phòng chính phủ.

C. Hội đồng Dân tộc.

D. Làng văn hóa các dân tộc.

Câu 23: Người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân là

A. Chủ tịch nước.

B. Chủ tịch Quốc hội.

C. Thủ tướng chính phủ.

D. Tổng bí thư

Câu 24: Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là

A. công bố Hiến pháp.

B. công khai thu nhập.

C. công bố lịch nghỉ tết.

D. Công khai ngân sách

Câu 25: Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là

A. Công bố Hiến pháp và luật, pháp lệnh.

B. Công bố thông tư liên tịch, hướng dẫn.

C. Bổ nhiệm các ủy ban của Quốc hội.

D. Miễn nhiệm các ủy ban Quốc hội.

Câu 26: Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

A. Chủ tịch Quốc hội.

B. Thủ tướng chính phủ.

C. Tổng bí thư Đảng.

D. Bí thư Đoàn thanh niên.

Câu 27: Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

A. Chủ tịch Quốc hội.

B. Phó chủ tịch nước.

C. Tổng bí thư Đảng.

D. Bí thư Đoàn thanh niên.

Câu 28: Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

A. Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

B. Thẩm phán tòa án nhân dân tỉnh.

C. Chánh án tòa án nhân dân tỉnh.

D. Kiểm sát viên viện kiểm sát tỉnh

Câu 29: Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

A. Chánh án tòa án nhân dân huyện.

B. Thẩm phán tòa án nhân dân tỉnh.

C. Chánh án tòa án nhân dân tỉnh.

D. Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền ban hành quyết định đặc xá hoặc công bố đại xá?

A. Thủ tướng chính phủ.

B. Chủ tịch Quốc hội.

C. Tổng bí thư.

D. Chủ tịch nước.

Câu 31: Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền ban hành quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước?

A. Thủ tướng chính phủ.

B. Chủ tịch Quốc hội.

C. Tổng bí thư.

D. Chủ tịch nước.

Câu 32: Cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. Chủ tịch nước.

B. Quốc hội.

C. Chính phủ.

D. Đoàn thanh niên

Câu 33: Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Hành pháp.

B. Tư pháp.

C. Lập pháp.

D. Kiểm sát.

Câu 34: Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ

A. Hành pháp.

B. Tư pháp.

C. Lập pháp.

D. Kiểm sát.

Câu 35: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi dưới đây:

Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV đã hoàn thành với khối lượng công việc lớn trên tinh thần “trách nhiệm, công tâm, khách quan”, Kỳ họp đã hoàn thành nội dung chương trình đề ra, đạt hiệu quả, chất lượng ghi dấu ấn với nhiều điểm mới trên cả 3 lĩnh vực lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng. Kỳ họp thứ 6 đã thông qua 07 luật và 09 nghị quyết: Quốc hội đã giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; xem xét kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 5; giám sát việc giải quyết đơn thư... dành 2,5 ngày tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn...

Câu 1: Thông tin trên đã đề cập đến hình thức hoạt động chủ yếu nào dưới đây của Quốc hội?

A. Ban hành Nghị quyết.

B. Tiến hành kỳ họp.

C. Giám sát chuyên đề.

D. Quyết định công việc.

Câu 2: Kết quả của kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV đã thông qua qua 07 luật và 09 nghị quyết, những kết quả này phản ánh chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

A. Chức năng lập hiến.

B. Chức năng lập pháp.

C. Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng.

D. Chức năng giám sát tối cao hoạt động của nhà nước.

Câu 3: Việc Quốc hội đã giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; xem xét kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 5; giám sát việc giải quyết đơn thư thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

A. Chức năng lập hiến.

B. Chức năng lập pháp.

C. Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng.

D. Chức năng giám sát tối cao hoạt động của nhà nước.

Câu 36: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi dưới đây:

Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội được thể hiện ở việc Quốc hội hoạt động căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020. Trình tự, hình thức họp, thẩm quyền triệu tập, cách thức thảo luận và quyết định các vấn đề đều được thực hiện theo quy định pháp luật. Việc biểu quyết, thông qua quyết định được tiến hành theo đa số, bằng các hình thức hợp pháp, bảo đảm tính công khai, minh bạch và đúng pháp luật.

Câu 1: Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

- A. Luật Tổ chức Quốc hội.
- B. Nghị quyết phiên họp.
- C. Hợp công khai.
- D. Hợp bất thường.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện hình thức hoạt động của Quốc hội

- A. Kỳ họp công khai.
- B. Kỳ họp bất thường.
- C. Hợp phiên toàn thể.
- D. Phiên họp Chính phủ.

Câu 3: Hình thức hoạt động làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số là thể hiện nguyên tắc hoạt động nào dưới đây?

- A. Nguyên tắc pháp chế.
- B. Nguyên tắc tập trung dân chủ.
- C. Nguyên tắc thống nhất.
- D. Nguyên tắc quyền lực.

Câu 37: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Trong nhiệm kì 2016–2021, Chủ tịch nước đã kí quyết định bổ nhiệm 5 Phó Thủ tướng, 21 Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; đồng thời phối hợp với Quốc hội, Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ công tác một số chức danh khi có thay đổi nhân sự. Chủ tịch nước cũng ban hành Lệnh công bố 72 luật và 2 pháp lệnh được thông qua, góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lí, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

- A. Ký quyết định bổ nhiệm Phó thủ tướng là nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch nước.
- B. Chủ tịch nước do Thủ tướng chính phủ đề nghị Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.
- C. Lệnh của Chủ tịch nước là một văn bản quy phạm pháp luật.
- D. Văn phòng chủ tịch nước là cơ quan ngang Bộ.



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN (VKSND): CƠ QUAN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ & KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP



Câu 1: Cơ quan nào ở nước ta thực hiện quyền tư pháp?

- A. Quốc Hội
B. Toà án nhân dân
C. Ủy ban nhân dân
D. Thủ tướng chính phủ

Câu 2: Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước ta và thực hiện quyền

- A. Tư pháp
B. Lập pháp
C. Hành pháp
D. Chỉ để xử lý dân sự

Câu 3: Cơ quan có thẩm quyền xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Tòa án nhân dân.
B. Viện kiểm sát nhân dân.
C. Hội đồng nhân dân.
D. Ủy ban nhân dân.

Câu 4: Đây là cơ quan tiến hành xét xử các vụ án các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính để bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án nhân dân.
B. Viện kiểm sát nhân dân.
C. Hội đồng nhân dân.
D. Ủy ban nhân dân.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm hoạt động của TAND?

- A. TAND xét xử công khai
B. TAND xét xử tập thể
C. TAND có thể xét xử kín.
D. TAND xét xử theo ý kiến nhân dân.

Câu 6: Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án nhân dân tối cao.
B. Tòa án nhân dân cấp cao.
C. Tòa án quân sự trung ương.
D. Tòa án nhân dân cấp xã, phường

Câu 7: Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án quân sự cấp quân khu.
B. Tòa án quân sự khu vực.
C. Tòa án quân sự trung ương.
D. Tòa án quân sự cấp huyện.

Câu 8: Chánh án tòa án nhân dân tối cao do cơ quan nào bầu hoặc phê chuẩn?

- A. Quốc hội.
B. Chính phủ.
C. Tòa án.
D. Viện kiểm sát

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chánh án tòa án nhân dân tối cao?

- A. Thủ tướng chính phủ.
B. Chủ tịch nước.
C. Tổng bí thư.
D. Chủ tịch Quốc hội.

Câu 10: Trong quá trình xét xử các vụ án, tòa án nhân dân làm việc độc lập và chỉ

- A. tuân theo pháp luật.
B. tuân theo chánh án chỉ đạo.
C. tuân theo Chủ tịch nước.
D. Tuân theo Quốc hội.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức Tòa án nhân dân được chia thành 4 cấp gồm

- A. Tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, huyện.
B. Tối cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã

C. Cấp cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã

D. Tối cao, cấp cao, trung ương, cấp tỉnh.

Câu 12: Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao là cơ quan thường trực của cơ quan nào dưới đây?

A. Tòa án nhân dân tối cao.

B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

C. Tòa án nhân dân cấp huyện.

D. Tòa án quân sự khu vực.

Câu 13: Việc các cơ quan tư pháp thay mặt nhà nước tiến hành việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Thực hành quyền công khai.

C. Thực hành ý chí người đứng đầu.

D. Kiểm sát hoạt động tư pháp.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành hoạt động khởi tố vụ án là đang thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành hoạt động khởi tố bị can là đang thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành truy tố bị can ra trước tòa là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 17: Khởi tố vụ án là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 18: Khởi tố bị can là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 19: Truy tố bị can ra trước tòa là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 20: Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 22: Thực hành quyền công tố trong thi hành pháp luật là hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

A. Chủ tịch nước.

B. Chính phủ.

C. Tòa án nhân dân.

D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 23: Kiểm tra hoạt động tư pháp là thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

A. Chủ tịch nước.

B. Chính phủ.

C. Tòa án nhân dân.

D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 24: Việc các cơ quan tư pháp tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.

C. Thực thi mệnh lệnh tối cao.

D. Kiểm sát và phân chia quyền lực.

Câu 25: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan giữ vai trò

A. Tư pháp

B. Lập pháp

C. Hành pháp

D. Chỉ để xử lý hình sự

Câu 26: Thực hành quyền công tố là chức năng của cơ quan nào?

A. Toàn án nhân dân

B. Viện kiểm sát nhân dân

C. Quốc Hội

D. Thủ tướng chính phủ

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân

- A. cấp trên. B. khu vực. C. quân khu. D. cấp huyện

Câu 28: Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân

- A. cấp tỉnh. B. tối cao. C. khu vực. D. quân khu.

Câu 29: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Theo quy định pháp luật, các cơ quan được giao thẩm quyền điều tra phải gửi quyết định khởi tố vụ án cho Viện kiểm sát trong thời hạn 24 giờ để thực hiện kiểm sát. Trường hợp việc khởi tố không có căn cứ hoặc không đúng thẩm quyền, Viện kiểm sát có quyền hủy bỏ quyết định đó. Đồng thời, Viện kiểm sát còn kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong giai đoạn điều tra ban đầu, có quyền hủy quyết định không khởi tố và ra quyết định khởi tố vụ án khi cần thiết, bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh.

Câu 1: Việc quy định Viện kiểm sát phải tham gia vào quá trình giải quyết vụ án có ý nghĩa như thế nào?

- A. Nâng cao uy tín của cơ quan xét xử. B. Gia tăng chi phí giải quyết vụ án.
C. Đảm bảo tính công bằng, khách quan. D. Giảm thời gian điều tra vụ án.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành khởi tố một vụ án thì quyết định đó phải được Viện kiểm sát

- A. ban hành. B. đề nghị. C. phê chuẩn. D. chứng thực.

Câu 3: Viện kiểm sát trong thẩm quyền của mình có quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái luật là thể hiện chứng năng nào dưới đây của Viện kiểm sát?

- A. Thực hành quyền công tố. B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
C. Tiến hành hoạt động xét xử. D. Quản lý hành chính nhà nước.

Câu 30: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Viện Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng các Viện Kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật của Viện Kiểm sát cấp dưới. Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp trên có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ quyết định trái pháp luật của Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp dưới.

- A. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan ngang Bộ và trực thuộc Chính phủ.
B. Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.
C. Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân các cấp do Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao phê chuẩn.
D. Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân tối cao có thể đình chỉ quyết định của Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân cấp dưới.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (HĐND) - CƠ QUAN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Căn cứ Luật 72/2025/QH15 và Hiến pháp 2013 sửa đổi bổ sung 2025)

<p style="text-align: center;">I. VỊ TRÍ PHÁP LÝ</p> <p>Đại diện ý chí, nguyện vọng Nhân dân. Cơ quan quyền lực nhà nước địa phương.</p>		<p style="text-align: center;">II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ</p> <p>QUYẾT ĐỊNH các vấn đề quan trọng. GIÁM SÁT tuân theo Hiến pháp và pháp luật.</p>
<p style="text-align: center;">IV. HOẠT ĐỘNG KỶ HỢP</p> <p>Thường lệ: 2 kỳ/năm. Bất thường/Chuyên đề: Khi có đề nghị. Hình thức: Công khai (phổ biến) / Họp kín.</p>	<p style="text-align: center;">III. CƠ CẤU TỔ CHỨC</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>Tỉnh</p> <p>Xã</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>Đặc khu</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>Thường trực</p> <p>Các Ban</p> <p>Tỉnh: 50-85 Xã/Phường: 15-30 Đặc khu: 15-30</p> </div> </div>	<p style="text-align: center;">V. ĐẠI BIỂU HĐND</p> <p>Phân loại: Chuyên trách, Kiểm nhiệm. Nhiệm vụ: Thành viên HĐND, Đại diện Nhân dân.</p>

ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND)

(Căn cứ Luật 72/2025/QH15)

1. VỊ TRÍ PHÁP LÝ

(Căn cứ Điều 114 Hiến pháp 2013 sửa đổi bổ sung 2025)

Cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân (HĐND)

Cơ quan hành chính nhà nước của địa phương

2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

CHỨC NĂNG (Điều 6):
Quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội (Giới hạn bởi lãnh thổ)

Đối với UBND tỉnh: Thực hiện theo Điều 16

Đối với UBND xã: Thực hiện theo Điều 22

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC

(Chuyên môn thuộc UBND - Theo ND 150/2025/ND-CP)

TẠI UBND TỈNH (Sở và tương đương)

Sở thống nhất: 12 sở (Điều 8)

Sở đặc thù: 4 sở (Điều 9)

TẠI UBND XÃ (Phòng và tương đương)

Phòng thống nhất: 3 phòng (Điều 15)

4. HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG

PHIÊN HỌP UBND (Khoản 1 Điều 4)

Thường kỳ: Mỗi tháng 1 lần

Chuyên đề/Đột xuất: Chủ tịch quyết định / Cấp trên yêu cầu / Ít nhất 1/3 thành viên yêu cầu

HOẠT ĐỘNG & VAI TRÒ UBND: Hoạt động tập thể

CHỦ TỊCH (Điều 17): Đứng đầu, lãnh đạo điều hành

PHÓ CHỦ TỊCH (Khoản 4 Điều 40): Theo sự phân công

ỦY VIÊN (Khoản 5 Điều 40): Phụ trách lĩnh vực + Tham gia công việc chung

ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND)

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA UBND

1. Cơ cấu thành viên



2. Cơ cấu chuyên môn (Theo ND 150/2025/ND-CP)



II. PHÂN CÔNG CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

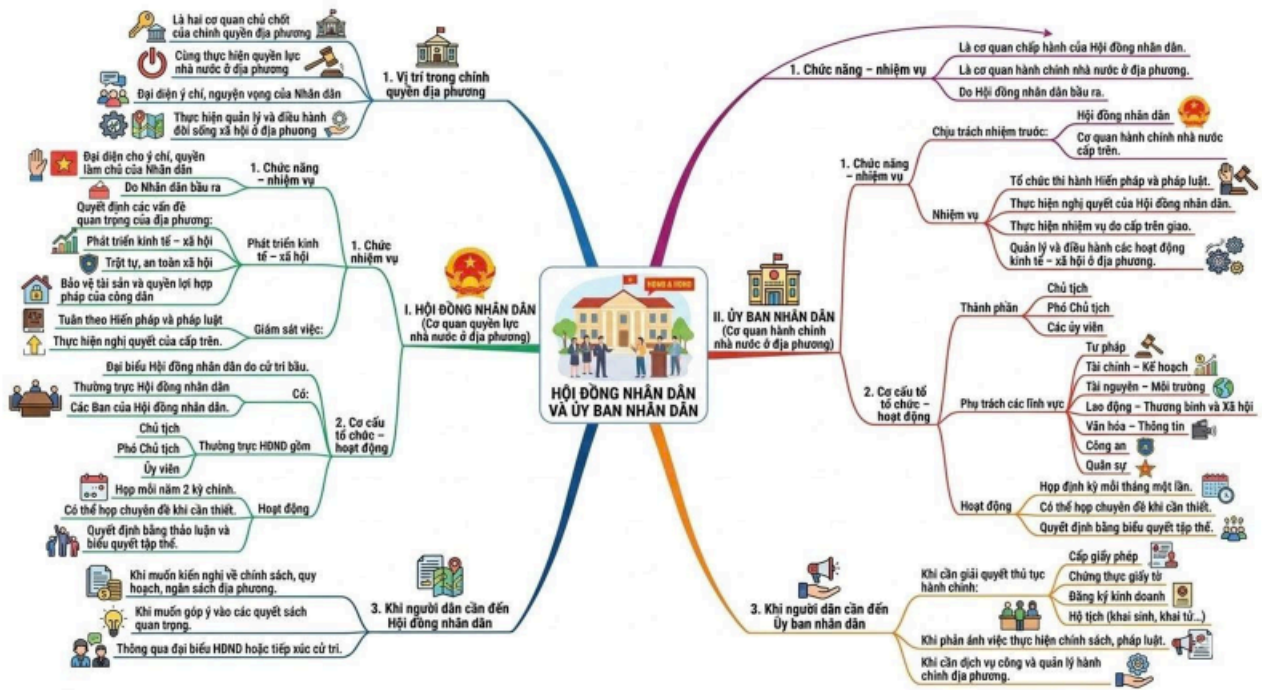
- Văn phòng
- Tư pháp
- Đối ngoại

2. PHÒNG KINH TẾ

- Tài chính - Kế hoạch
- Xây dựng và Công Thương
- Nông nghiệp và Môi trường

3. PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Nội vụ
- Giáo dục và Đào tạo
- Văn hóa
- Khoa học và Thông tin
- Y tế



Câu 1: Hội đồng nhân dân là

- A. cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.
- B. cơ quan lãnh đạo ở địa phương.
- C. cơ quan hành chính ở địa phương.
- D. cơ quan giám sát ở địa phương.

Câu 2: Hội đồng nhân dân được thành lập thông qua

- A. bầu cử, ứng cử.
- B. mệnh lệnh cấp trên.
- C. phân bổ quyền lực.
- D. đặc trưng vùng miền.

Câu 3: Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và

- A. lãnh đạo địa phương.
- B. cơ quan cấp trên.
- C. người đứng đầu địa phương.
- D. đoàn thể ở địa phương

Câu 4: Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Phát triển kinh tế - xã hội.
- B. Đảm bảo an ninh – trật tự.
- C. Chia tách địa giới hành chính.
- D. Công tác an sinh xã hội.

Câu 5: Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Giải quyết ô nhiễm môi trường.
- B. Biện pháp bảo vệ môi trường.
- C. Thay đổi thuế bảo vệ môi trường.
- D. Thu phí bảo vệ môi trường.

Câu 6: Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Quản lý địa giới hành chính.
- B. Hướng dẫn thủ tục hành chính.
- C. Điều chỉnh địa giới hành chính.
- D. Giám sát xử phạt hành chính.

Câu 7: HĐND gồm các đại biểu HĐND do ai bầu ra?

- A. Cử tri ở địa phương bầu ra.
- B. Quốc hội bầu ra.
- C. Chính phủ bầu ra.
- D. Viện kiểm sát bầu ra.

Câu 8: Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Giám sát tối cao hoạt động của Quốc hội.
- B. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân.
- C. Giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.
- D. Giám sát vấn đề an sinh xã hội tại địa bàn.

Câu 9: Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân là

- A. Hội đồng nhân dân.
- B. Ủy ban nhân dân.
- C. Hội nông dân.
- D. Mặt trận tổ quốc.

Câu 10: Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan

- A. công tác nhà nước ở địa phương.
- B. quyền lực nhà nước ở địa phương
- C. điều hành sản xuất ở địa phương.
- D. quản lý nhà nước ở địa phương.

Câu 11: Cơ quan nào sau đây do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra?

- A. Ủy ban nhân dân
- B. Viện kiểm sát nhân dân
- C. Hội đồng nhân dân
- D. Toà án nhân dân

Câu 12: Hội đồng nhân dân có chức năng:

- A. Tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.
- B. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- C. Quyết định các vấn đề của địa phương do pháp luật quy định.
- D. Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Câu 13: Hoạt động nào dưới đây **không** phải là hoạt động của Hội đồng nhân dân?

- A. Hoạt động được đảm bảo bằng các kì họp.
- B. Hoạt động thông qua việc tổ chức sản xuất kinh doanh.
- C. Ban hành các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.
- D. Hoạt động của các Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 14: Hội đồng nhân dân **không** có chức năng nào dưới đây?

- A. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương.
- B. Đề nghị làm hoặc sửa đổi Hiến pháp.
- C. Quyết định các biện pháp hỗ trợ an sinh xã hội của địa phương.
- D. Giám sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo tại địa phương.

Câu 15: Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Thành lập và chia tách địa giới.
- B. Đặt tên phố và tên đường.
- C. Điều chỉnh chính sách an sinh xã hội.
- D. Điều chỉnh mức thu học phí giáo dục.

Câu 16: Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân gồm thường trực Hội đồng nhân dân và các

- A. Bộ ban ngành.
- B. ban của hội đồng nhân dân.
- C. tổ chức chính trị - xã hội.
- D. đoàn thể và hội nghề nghiệp.

Câu 17: Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân gồm có Chủ tịch, phó chủ tịch và

- A. Ủy viên.
- B. Bí thư chi bộ.
- C. Trưởng thôn.
- D. Bí thư Đoàn.

Câu 18: Xét về mặt tổ chức, cơ quan nào dưới đây **không** nằm trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân?

- A. Ban văn hóa – xã hội.
- B. Ban pháp chế.
- C. Ban kinh tế.
- D. Hội nông dân.

Câu 19: Hình thức quan trọng nhất trong hoạt động của Hội đồng nhân dân là

- A. Kỳ họp.
- B. Đại hội.
- C. Phong trào.
- D. Kế hoạch.

Câu 20: Trong hoạt động của Hội đồng nhân dân, kỳ họp được coi là hoạt động quan trọng nhất, kỳ họp gồm

- A. họp thường niên và họp chuyên đề.
- B. họp thường niên và đại hội.
- C. Đại hội cổ đông và chuyên đề.
- D. Tiếp xúc cử tri và giải quyết khiếu nại.

Câu 21: Trong hoạt động của Hội đồng nhân dân, nguyên tắc cơ bản nhất trong tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân là

- A. thảo luận tập thể quyết định theo đa số.
- B. thảo luận tập thể, người đứng đầu quyết định.
- C. người đứng đầu toàn quyền quyết định.
- D. thảo luận cá nhân và quyết định cá nhân.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân được tổ chức thành các cấp nào dưới đây?

- A. Trung ương, tỉnh, huyện.
- B. Trung ương, huyện, xã.
- C. Tỉnh, huyện, xã.
- D. Tỉnh, xã, thôn

Câu 23: Cơ quan cáo nhất của Hội đồng nhân dân các cấp là

- A. Thường trực Hội đồng nhân dân.
- B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- C. Ủy viên Hội đồng nhân dân.
- D. các ban Hội đồng nhân dân.

Câu 24: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, người đứng đầu Hội đồng nhân dân được gọi là

- A. Thường trực Hội đồng nhân dân.
- B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- C. Ủy viên Hội đồng nhân dân.
- D. các ban Hội đồng nhân dân.

Câu 25: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, chủ tịch Hội đồng nhân dân là người được bầu ra từ

- A. Thường trực Hội đồng nhân dân.
- B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- C. Ủy viên Hội đồng nhân dân.
- D. các ban Hội đồng nhân dân.

Câu 26: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, chủ thể nào dưới đây **không** do Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn?

- A. Bí thư chi bộ.
- B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- C. Trưởng ban pháp chế Hội đồng nhân dân.
- D. Trưởng ban kinh tế Hội đồng nhân dân.

Câu 27: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, Ban nào dưới đây **không** nằm trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân?

A. Ban văn hóa - xã hội.

B. Ban pháp chế.

C. Ban giải phóng mặt bằng.

D. Ban kinh tế.

Câu 28: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, ủy viên thường trực hội đồng nhân dân đồng thời giữ vai trò như thế nào đối với các ban của hội đồng nhân dân?

A. Chủ tịch.

B. Phó chủ tịch.

C. Trưởng ban.

D. Ủy viên

Câu 29: Thường trực HĐND có cơ cấu tổ chức gồm những ai?

A. Chủ tịch HĐND và phó chủ tịch HĐND và các ủy viên.

B. Chủ tịch HĐND và các ủy viên.

C. Chủ tịch HĐND và phó chủ tịch HĐND. D. Phó chủ tịch HĐND và các ủy viên.

Câu 30: Cơ quan thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân là

A. Hội đồng nhân dân.

B. Ủy ban nhân dân.

C. Đoàn thanh niên.

D. Thường trực hội đồng nhân dân

Câu 31: Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là

A. Hội đồng nhân dân.

B. Ủy ban nhân dân.

C. Mặt trận tổ quốc.

D. Tòa án nhân dân.

Câu 32: Cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân là

A. Hội đồng nhân dân.

B. Ủy ban nhân dân.

C. Mặt trận tổ quốc.

D. Tòa án nhân dân.

Câu 33: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do cơ quan cùng cấp nào lập ra?

A. Hội đồng nhân dân.

B. Ủy ban nhân dân.

C. Mặt trận tổ quốc.

D. Tòa án nhân dân.

Câu 34: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, cơ quan có chức năng tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương là

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy Ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 35: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính

A. cùng cấp.

B. cấp trên.

C. cấp dưới.

D. đồng cấp.

Câu 36: Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, người đứng đầu Ủy ban nhân dân được gọi là

A. Bí thư.

B. Chủ tịch.

C. Chánh án.

D. Viện trưởng.

Câu 37: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh X khai mạc ngày 15/6/2021 và diễn ra trong không khí dân chủ, trách nhiệm. Kỳ họp đã bầu các chức danh chủ chốt của HĐND, UBND tỉnh và Hội thẩm nhân dân TAND tỉnh nhiệm kỳ 2021–2026 với tỉ lệ tín nhiệm cao. Các đại biểu cũng nghe báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri, đồng thời xem xét, cho ý kiến đối với các tờ trình liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách của địa phương.

Câu 1: Thông tin trên đã đề cập đến hình thức hoạt động cơ bản nhất của Hội đồng nhân dân là

A. tiến hành tiếp xúc cử tri.

B. tổ chức các kỳ họp định kỳ.

C. giám sát chuyên đề tại cơ sở.

D. tổng hợp kiến nghị của cử tri.

Câu 2: Chức danh nào dưới đây **không** thuộc cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân?

A. Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

B. Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân.

C. Các ban của Hội đồng nhân dân.

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu 3: Chức danh nào dưới đây **không** thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân?

A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

C. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

D. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu 4: Cơ quan hành chính của Hội đồng nhân dân tỉnh X là cơ quan nào dưới đây?

A. Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh X.

B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh X.

C. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh X.

D. Ủy ban nhân dân tỉnh X.

Câu 38: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Kỳ họp thứ 15 của Hội đồng nhân dân thành phố X diễn ra trong hai ngày 6 và 7/7/2020. Tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân đã xem xét tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; quyết định phương hướng, nhiệm vụ và dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020. Đồng thời, các đại biểu cũng nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân về chính sách giải quyết việc làm và miễn, giảm học phí cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn.

A. Kỳ họp là hình thức hoạt động duy nhất của Hội đồng nhân dân.

B. Hội đồng nhân dân trình Ủy ban nhân dân ra nghị quyết các vấn đề quan trọng.

C. Chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là trách nhiệm đương nhiên của Ủy ban nhân dân tỉnh.

D. Trong hoạt động của mình, Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.